PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học

(Tiếp theo Công báo số 141 + 142)

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

NGÀNH ĐÀO TẠO: Y TẾ CÔNG CỘNG
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Y tế công cộng (Public Health)

Mã ngành: 52720301

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Y tế công cộng có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở, y tế công cộng để tham gia phát hiện và tổ chức giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của các nguyên lý Y tế công cộng.

- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu sức khỏe và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng.

- Cầu thị và hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành.

- Trung thực và khách quan, có tinh thần ham học, vượt khó khăn, tự học vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho Y tế công cộng

- Trình bày được các nguyên lý và khái niệm cơ bản về y tế công cộng

- Trình bày được cách phát hiện và xử trí các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng

- Trình bày được các yếu tố quyết định sức khỏe

- Nắm vững phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, nâng cao sức khỏe

- Nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học

- Nắm vững chính sách, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng

- Xác định các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng.

- Xác định được các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng và đưa ra những chiến lược và biện pháp giải quyết thích hợp.

- Lập kế hoạch, đề xuất những giải pháp và tổ chức các hoạt động bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

- Theo dõi và tham gia đánh giá được việc thực hiện các chương trình sức khỏe tại cộng đồng.

- Giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch và tổ chức phòng chống dịch tại cộng đồng.

- Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khỏe.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu***: 130 tín chỉ (TC), chưa kể các học phần Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục quốc phòng - An ninh (165 tiết).

- ***Thời gian đào tạo:*** 4 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể các phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)	35
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu**, trong đó:	
	Kiến thức cơ sở ngành	18
	Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	44
	Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	29
	Thực tập nghề nghiệp	6
	Tổng cộng	**130**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương ***32 TC(22 LT-10 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0
4	Ngoại ngữ (có NN chuyên ngành)	8	3	5
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	3*		
7	Giáo dục quốc phòng - An ninh*	165 tiết*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0
9	Sinh học và di truyền	2	1	1
10	Hóa học	2	1	1
11	Vật lý - Lý sinh	2	1	1
12	Nghiên cứu khoa học	2	1	1
13	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	0
	Tổng cộng	**32***	**22***	**10***

** Chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành 18 TC (10 LT-8 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Hóa sinh	2	1	1
2	Giải phẫu	2	1	1
3	Sinh lý	2	1	1
4	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	1	1
5	Vi sinh	2	1	1
6	Ký sinh trùng	2	1	1
7	Các bệnh thông thường 1	3	2	1
8	Các bệnh thông thường 2	3	2	1
Tổng cộng		**18**	**10**	**8**

3.1.2.2. Kiến thức ngành 44 TC (32 LT- 12 TH)

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	0
2	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản	2	2	0
3	Quản lý dịch vụ y tế	3	3	0
4	Kế hoạch y tế	3	2	1
5	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	2	0
6	Chính sách y tế	2	2	0
7	Dịch tễ học cơ bản	2	2	0
8	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	1	1
9	Phòng chống thảm họa	2	2	0
10	Sức khỏe môi trường cơ bản	2	1	1
11	Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	2	1	1
12	Nâng cao sức khỏe	3	2	1
13	Sức khỏe sinh sản	2	2	0
14	Dân số và phát triển	2	2	0

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
15	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	1	1
16	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1
17	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	3	3	0
18	Nghiên cứu định tính	2	1	1
19	Thực tập cộng đồng 1 (năm thứ hai)	2	0	2
20	Thực tập cộng đồng 2 (năm thứ ba)	2	0	2
Tổng cộng		**44**	**32**	**12**

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin: *5 TC*

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: *2 TC*

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*: 3 TC*

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ: *8 TC*

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành Y tế công cộng; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: *2 TC*

Nội dung bao gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word. Dùng Excel và làm các bài toán ứng dụng thông thường và sử dụng các dịch vụ cơ bản của Interrnet.

6. Giáo dục thể chất*: 3 TC*

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Giáo dục quốc phòng và an ninh: *7 TC*

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác suất - Thống kê y học: *2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học: 2 TC

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hóa học, hóa hữu cơ, hóa phân tích và các ứng dụng cũng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và Di truyền: *2 TC*

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý và Lý sinh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

*12. N*ghiên cứu khoa học*: 2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học.

Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và sử lý số liệu.

13. Tâm lý y học - Đạo đức y học: *2 TC*

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Hóa sinh: *2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh, bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào sống của cơ thể, các nguyên tắc và ý nghĩa của một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường.

15. Giải phẫu: *2 TC*

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu đại thể của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng.

16. Sinh lý: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, lý sinh, hóa học.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của cơ quan, hệ thống cơ quan và chức năng điều hòa trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

17. Sinh lý bệnh - miễn dịch: *2 TC*

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, những rối loạn chức năng của các cơ quan trong quá trình bệnh lý phổ biến; vai trò của hệ thống miễn dịch và những cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch.

18. Vi sinh: *2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm cơ bản nhất về cấu tạo, chuyển hóa, di truyền của vi khuẩn, vi rút và mối quan hệ cơ thể - vi sinh vật, đặc biệt là những vi sinh vật liên quan đến khả năng gây bệnh, dịch tại cộng đồng, các nguyên tắc phòng và chống các bệnh, dịch liên quan đến vi sinh vật.

19. Ký sinh trùng: *2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm những kiến thức về cấu tạo, hoạt động và đặc tính ký sinh của một số loại ký sinh trùng gây bệnh hoặc liên quan đến các bệnh ở người, trong đó điển hình là các loài giun sán, các loài tiết túc truyền bệnh; các loài nấm và ký sinh trùng khác; các nguyên tắc cơ bản trong phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng ở mức độ cơ thể và cộng đồng.

20. Các bệnh thông thường 1: *2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh và miễn dịch học, Vi sinh.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh học; nguyên nhân, mối liên quan giữa môi trường và bệnh lý ở người; các triệu chứng cơ bản, phương pháp phòng và điều trị một số bệnh thường gặp tại cộng đồng.

21. Các bệnh thông thường 2: *3 TC*

Điều kiện tiên quyết: Bệnh thông thường 1

Môn học Bệnh thông thường 2 là phần tiếp theo và bổ trợ cho phần Bệnh thông thường 1. Nội dung gồm các vấn đề về chấn thương và những cấp cứu thường gặp tại cộng đồng; những nguyên tắc, kỹ năng sơ cấp cứu chấn thương, tai nạn tại cộng đồng.

22. Tổ chức và quản lý hệ thống y tế: *2 TC*

Nội dung gồm các thông tin tổng quan, cơ bản về tổ chức và quản lý hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng và các thành phần cơ bản của hệ thống y tế.

23. Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản*: 2 TC*

Nội dung gồm khái niệm và nguyên lý cơ bản của quản lý; các kỹ năng quản lý cơ bản cho sinh viên để vận dụng vào môi trường làm việc trong tương lai.

24. Quản lý dịch vụ y tế*: 3 TC*

Nội dung mô tả hệ thống cung cấp dịch vụ dự phòng và khám chữa bệnh. Bao gồm các kiến thức tổng quan về y tế dự phòng và phân cấp quản lý y tế dự phòng, cách triển khai, theo dõi, đánh giá các hoạt động và kết quả công tác y tế dự phòng; các kiến thức về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh và phòng bệnh các tuyến từ trung ương đến xã; các phương pháp và công cụ đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế .

25. Kế hoạch y tế: *3 TC*

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế, *Nguyên lý Quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản*, *Quản lý dịch vụ y tế*

Nội dung gồm những khái niệm, kỹ năng và công cụ cơ bản liên quan đến lập kế hoạch để ứng dụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau tốt nghiệp.

26. Quản lý tài chính và kinh tế y tế: *2 TC*

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế học để phân tích và giải thích hành vi sử dụng, cung cấp dịch vụ y tế; các vấn đề thực tiễn liên quan đến các nguồn tài chính y tế, phương thức chi trả, bức tranh tổng thể về mô hình tài chính y tế Việt Nam, những khó khăn và phương pháp quản lý tài chính y tế, để ứng dụng trong đánh giá các can thiệp y tế, cung cấp bằng chứng khoa học trong xây dựng các chính sách quản lý y tế, quản lý kinh tế ngành và xây dựng hệ thống y tế công bằng, hiệu quả.

27. Chính sách y tế: *2 TC*

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản về chính sách y tế, về hệ thống chính sách và quy trình chính sách y tế Việt Nam ở các cấp, đặc biệt ở cấp cơ sở.

28. Dịch tễ học cơ bản: *2 TC*

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản trong đo lường bệnh trạng, đo lường sự kết hợp, nguyên lý và thiết kế cơ bản của dịch tễ học và ứng dụng của các thiết kế trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.

29. Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế: *2 TC*

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng phân loại các nguyên nhân gây bệnh và tử vong dựa trên phân loại chuẩn quốc tế ICD-10; các kiến thức, kỹ năng trong đánh giá các nguyên nhân bệnh tật và tử vong theo các cấp độ chi tiết khác nhau; các kỹ năng lưu trữ, phân tích dữ liệu dựa trên các nguyên tắc mã hóa và chuẩn hóa số liệu y/sinh học.

30. Phòng chống thảm họa*: 2 TC*

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản về thảm họa và kiến thức cơ bản về quản lý thảm họa; kiến thức về hậu quả của thảm họa và phương pháp quản lý những hậu quả của thảm họa.

31. Sức khỏe môi trường cơ bản: *2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng chống.

32. Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp; phân loại các yếu tố tác hại nghề nghiệp; nguyên nhân cơ bản gây bệnh và tai nạn thương tích nghề nghiệp, ứng dụng quản lý và chăm sóc sức khỏe người lao động trong hoàn cảnh cụ thể.

33. Nâng cao sức khỏe: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý dịch vụ y tế, Tâm lý y học - Đạo đức y học, Nhân học và Xã hội học sức khỏe

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về các yếu tố quyết định sức khỏe, hành vi sức khỏe, chăm sóc sức khỏe ban đầu, lý thuyết về hành vi, giáo dục sức khỏe, các cách tiếp cận và chiến lược hành động nâng cao sức khỏe.

34. Sức khỏe sinh sản: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm những kiến thức và thực hành cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Việt Nam; các kiến thức cơ bản về sức khỏe tình dục, giới, quyền và sự tham gia của nam giới trong dịch vụ sức khỏe sinh sản.

35. Dân số và phát triển: 2 TC

Môn học này gồm hai phần chính: Dân số học và Dân số và phát triển.

Nội dung gồm các kiến thức và khả năng phân tích về biến động dân số và những tác động qua lại của các quá trình dân số với các vấn đề phát triển. Phần dân số học cung cấp kiến thức về quy mô, cơ cấu dân số và các biến động dân số. Phần dân số và phát triển cung cấp kiến thức về mối quan hệ, tác động qua lại giữa dân số và các vấn đề phát triển (như kinh tế, giáo dục, y tế, môi trường, bình đẳng giới...), cơ sở xây dựng chính sách dân số phù hợp với từng đặc điểm phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia.

36. Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm: *2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Sinh lý, Vi sinh, Ký sinh trùng, Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản, Nâng cao sức khỏe.

Nội dung gồm những kiến thức và nguyên lý cơ bản về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, một số vấn đề dinh dưỡng và thực phẩm đang nổi cộm ở Việt Nam, một số kỹ thuật cơ bản về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

37. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng: *2 TC*

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản, Xác suất - Thống kê y học, Nâng cao sức khỏe, Kế hoạch y tế, Chính sách y tế, Nhân học và Xã hội học sức khỏe.

Nội dung gồm những kiến thức và kỹ năng cho hoạt động lập kế hoạch cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng toàn diện cho người khuyết tật.

38. Nhân học và Xã hội học sức khỏe: 3 TC

Nội dung gồm những kiến thức và khả năng phân tích các vấn đề sức khỏe và bệnh tật một cách khái quát; xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình xây dựng các chương trình can thiệp của Y tế công cộng.

39. Nghiên cứu định tính: 2 TC

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu định tính, kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu định tính một cách độc lập hoặc liên kết với các nhóm ngành; thiết kế các chương trình y tế phù hợp với văn hóa và bối cảnh địa phương, định hướng cho các nghiên cứu chuyên biệt, hoặc thực hiện đánh giá định tính các chương trình y tế.

40. Thực tập cộng đồng 1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Bệnh thông thường 1 và 2.

Thực tập cộng đồng 1 tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với cộng đồng, làm quen với thực tế công việc của cán bộ y tế tuyến huyện và xã. Đây cũng là cơ hội cho sinh viên áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học trong năm thứ nhất và thứ hai đặc biệt là phương pháp tiếp cận cộng đồng, làm việc nhóm.

41. Thực tập cộng đồng 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập cộng đồng 1

Thực tập cộng đồng 2 là cơ hội cho sinh viên tiếp tục áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học trong 3 năm đầu của chương trình Cử nhân Y tế công

cộng. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất biện pháp và kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định.

42. Thực tập cộng đồng 3: 6 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập cộng đồng 2

Sinh viên sẽ được học tập và làm việc tại một cơ sở y tế phù hợp với định hướng đã chọn để áp dụng và củng cố những kiến thức lý thuyết đã được học. Tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định. Sinh viên có cơ hội áp dụng và phát triển những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được từ những năm trước trong lĩnh vực cụ thể phù hợp với định hướng đã chọn vào hoàn cảnh thực tế tại đơn vị sinh viên thực tập. Sau khi hoàn thành thực tập cộng đồng 3, khả năng làm việc của sinh viên về lĩnh vực lựa chọn sẽ tăng lên, giúp cho sinh viên có thể thực hiện được những nhiệm vụ cơ bản của định hướng đã chọn.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung đào tạo cử nhân y tế công cộng

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho ngành Y tế công cộng trình độ Đại học.

4.1. Chương trình khung đào tạo Cử nhân Y tế công cộng

Chương trình khung đào tạo Cử nhân Y tế công cộng được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường đại học có đào tạo Cử nhân Y tế công cộng.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đó được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn và áp dụng phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

Chương trình này được thực hiện trong 4 năm học. Trong đó 2,5 năm đầu tất cả sinh viên sẽ phải hoàn thành các học phần/môn học chung với tổng số 98 tín chỉ. Sau khi học hết năm thứ 2, sinh viên sẽ lựa chọn và đăng kí định hướng

chuyên ngành. 1,5 năm cuối, sinh viên sẽ học các học phần/môn học định hướng ngành (27 TC) hay chuyên ngành (26 TC).

Lịch thực hiện các môn học phải đi theo cấu trúc của chương trình. Trừ phần kiến thức đại cương, còn tất cả các phần khác, sinh viên cần phải hoàn thành kiến thức cơ sở của khối ngành, sau đó đến kiến thức cơ sở của ngành và kiến thức ngành và cuối cùng là lựa chọn định hướng chuyên ngành trong kiến thức ngành và các môn lựa chọn.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Ngoài việc đào tạo Cử nhân Y tế công cộng chung như đã thực hiện từ trước đến nay, việc lựa chọn và đưa ra những định hướng chuyên ngành là kết quả của một quá trình làm việc với sự tham gia của người sử dụng Cử nhân Y tế công cộng, các nhà lãnh đạo, quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác liên quan đến Y tế công cộng ở nhiều cơ sở y tế trong cả nước. Việc xác định các định hướng chuyên ngành cũng đã được thảo luận và nhất trí giữa các trường đại học Y trong cả nước. Có 6 định hướng đã được xác định có thể thực hiện được là:

1. Định hướng chung
2. Định hướng Dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm
3. Định hướng Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp
4. Định hướng Dịch tễ học
5. Định hướng Truyền thông - Giáo dục sức khỏe
6. Định hướng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Một khi sinh viên đã lựa chọn định hướng nào, sinh viên phải học đủ các học phần/môn học đã được quy định trong định hướng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nếu có nhu cầu phát sinh, thủ trưởng các cơ sở đào tạo có thể chủ động xây dựng các học phần/môn học cho một định hướng mới nhưng không quá 20% số tín chỉ so với chương trình khung.

Số lượng tín chỉ các học phần/môn học tự chọn và thời gian thực tập cộng đồng giống như trong chương trình định hướng chuyên ngành. Các trường cần chú ý tiếp tục xây dựng thêm các học phần/môn học tự chọn để đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu nhân lực của từng vùng miền trong từng thời kỳ phát triển và hội nhập.

4.3. Thực hành, thực tập cộng đồng

4.3.1. Thực hành

Tổ chức thực tập tại các phòng thực hành, phòng thí nghiệm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, các trường quy định cụ thể về nội dung, thời gian thực tập tại các phòng thực hành, phòng thí nghiệm.

4.3.2. Thực tập cộng đồng

Thực tập cộng đồng 1: Tổ chức vào cuối năm thứ hai sau khi sinh viên đã học xong các học phần/môn học cơ sở ngành. Địa điểm thực tập cộng đồng 1 là Trung tâm y tế huyện, Bệnh viện đa khoa huyện và Trạm y tế xã. Mục tiêu của đợt thực tập này là tạo cơ hội cho sinh viên làm quen với tổ chức hệ thống y tế, quan sát những hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe được triển khai ở các tuyến. Tăng cường kỹ năng tiếp xúc cộng đồng và làm việc nhóm cũng là những mục tiêu quan trọng của đợt thực tập cộng đồng này.

Thực tập cộng đồng 2: Tổ chức vào cuối năm thứ ba sau khi sinh viên đã học xong một số học phần/môn học chuyên ngành. Địa điểm thực tập cộng đồng 2 là các cơ sở y tế tuyến tỉnh (Sở y tế, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm tỉnh); các cơ sở y tế tuyến huyện (Trung tâm y tế huyện, Bệnh viện đa khoa huyện) và Trạm y tế xã. Mục tiêu của đợt thực tập cộng đồng này là cung cấp cho sinh viên những cơ hội áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học được trong trường vào những công việc thực tế tại các cơ sở y tế và cộng đồng. Tiếp tục xây dựng và tăng cường kỹ năng tiếp xúc cộng đồng và làm việc nhóm thông qua các hoạt động thực tế tại các cơ sở y tế.

Thực tập cộng đồng 3: Tổ chức vào học kỳ 2 năm thứ tư khi sinh viên đã học xong tất cả các học phần/môn học trong chương trình. Sinh viên được bố trí thực tập tại các cơ sở y tế từ Trung ương tới địa phương, phù hợp với từng định hướng đã chọn. Các cơ sở y tế có thể bao gồm: các Vụ, Cục của Bộ Y tế, các viện nghiên cứu (viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Y học lao động), các Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng các tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình,... thời gian thực tập từ 4 đến 6 tháng.

Kế hoạch thực tập cộng đồng được Hội đồng khoa học - Đào tạo của trường thông qua trước khi triển khai hàng năm. Mục tiêu cụ thể và nội dung thực tập cộng đồng phải được xem xét lại sau mỗi năm và điều chỉnh cho phù hợp, đáp ứng với nhu cầu thực tế.

4.4. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp

Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành học Cử nhân Y tế công cộng

Để đào tạo Cử nhân Y tế công cộng, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.5.1. Tổ chức: Các Khoa/Bộ môn của ngành tối thiểu phải có

- Khoa/bộ môn Y học cơ sở
- Khoa/bộ môn các Khoa học cơ bản

- Khoa/bộ môn Sức khỏe cộng đồng
- Khoa/bộ môn các Khoa học Xã hội - Hành vi và Giáo dục sức khỏe
- Khoa/bộ môn Quản lý Y tế
- Khoa/bộ môn Sức khỏe môi trường - Vệ sinh lao động Bệnh nghề nghiệp
- Khoa/Bộ môn Ngoại ngữ

4.5.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở đào tạo phải bảo đảm cơ sở vật chất theo quy định và hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối internet.

Nhằm tăng cường khả năng làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp, việc chuẩn bị tốt các cơ sở thực hành, thực địa để sinh viên thực tập là hết sức quan trọng. Các cơ sở đào tạo phải xác định rõ tên những cơ sở thực hành thực địa được chọn và tiêu chuẩn lựa chọn. Đối với phòng thí nghiệm, ngoài tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và phù hợp với chuyên ngành của sinh viên, phòng thí nghiệm được chọn phải có đội ngũ cán bộ có đủ năng lực chuyên môn và sư phạm để hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên trong suốt quá trình thực tập tại phòng thí nghiệm.

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học:

Đủ số giảng viên cơ hữu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục

I. Danh mục các môn học/học phần tự chọn

Sinh viên sẽ lựa chọn một trong 6 định hướng sau:

1. Định hướng chung

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Dinh dưỡng học cơ bản và khoa học thực phẩm	2	1	1
2	Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm	2	1	1
3	Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
4	Điều tra một vụ dịch	2	1	1
5	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	3	2	1
6	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**17**	**6**	**11**

2. Định hướng Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Dinh dưỡng học cơ bản và khoa học thực phẩm	2	1	1
2	Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm	2	1	1
3	Dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe cộng đồng	2	1	1
4	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm	2	1	1
5	Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm	2	1	1
6	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**5**	**11**

3. Định hướng Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
2	Sức khỏe môi trường	2	1	1

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
3	Sức khỏe nghề nghiệp	2	1	1
4	Sức khỏe trường học	2	1	1
5	Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp	2	1	1
6	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**5**	**11**

4. Định hướng Dịch tễ học

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm	2	2	0
2	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2	2	0
3	Thống kê y sinh học thực hành	2	1	1
4	Điều tra một vụ dịch	2	1	1
5	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	2	1	1
6	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**7**	**9**

5. Định hướng Truyền thông - Giáo dục sức khỏe

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Lập kế hoạch chương trình Nâng cao sức khỏe	3	2	1
2	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe	2	1	1
3	Vận động trong thực hành Nâng cao sức khỏe	2	1	1
4	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	3	2	1
5	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**6**	**10**

6. Định hướng Dân số học

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Thống kê dân số y tế	2	1	1
2	Truyền thông về DS-KHHGĐ	2	1	1

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
3	Quản lý chương trình DS-KHHGĐ	2	1	1
4	Kinh tế Dân số y tế	2	2	0
5	Chính sách Dân số	2	2	0
6	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6
Tổng cộng		**16**	**7**	**9**

7. Các môn tự chọn khác (sinh viên của tất cả các định hướng tự chọn và đăng ký học đủ 10 tín chỉ trong số 15 tín chỉ sau)

TT	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố Tín chỉ	
			LT	TH
1	Phân tích số liệu bằng STATA	3	1	2
2	Truyền thông và tiếp thị xã hội	3	2	1
3	Quản lý dự án	2	2	0
4	Dịch tễ học chấn thương	2	2	0
5	Theo dõi đánh giá	2	1	1
6	Chương trình Phòng chống HIV/AIDS	3	2	1
Tổng cộng		**15**	**10**	**5**

II. Mô tả các môn tự chọn định hướng chuyên ngành

1. Định hướng Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm

1.1. Dinh dưỡng học cơ bản và khoa học thực phẩm: 2 TC (1 LT - 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Không

Khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm nghiên cứu sự tác động, mối quan hệ của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm với sức khỏe và bệnh tật. Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức về vai trò, nhu cầu, và nguồn thực phẩm của các chất sinh năng lượng (Protid, Carbon hydrate, lipid) và các chất không sinh năng lượng (vitamin, khoáng chất và nước) để từ đó xác định nhu cầu dinh dưỡng của các đối tượng khác nhau (*trẻ em, vị thành niên, người trưởng thành, phụ nữ mang thai, nuôi con bú, người cao tuổi*). Bên cạnh đó môn học cung cấp thêm kiến thức về đặc điểm vệ sinh của một số nhóm thực phẩm cơ bản và thực phẩm chức năng (là vấn đề thời sự được quan tâm hiện nay)

1.2. Phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch dinh dưỡng và thực phẩm: 2 TC (1 LT- 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản, Xác suất - Thống kê y học

Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản, Nâng cao sức khỏe

Môn học là sự ứng dụng và tổng hợp các kiến thức của nhiều môn học khác đã được học như Dịch tễ học cơ bản, Xác suất - Thống kê y học, Tin học, Tổ chức và quản lý hệ thống y tế. Dựa trên các nguyên tắc của khoa học quản lý, môn học này giúp sinh viên áp dụng các bước lập kế hoạch trong can thiệp dinh dưỡng và thực phẩm. Môn học này cũng sẽ cung cấp một số kỹ thuật hay được sử dụng trong nghiên cứu dinh dưỡng và ATTP cũng như các phương pháp nghiên cứu hay được ứng dụng trong nghiên cứu dinh dưỡng và ATTP (*đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng phương pháp nhân trắc học, điều tra khẩu phần ăn*).

1.3. Dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe cộng đồng: 2 TC (1 LT - 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh , Sinh lý

Chế độ ăn, dinh dưỡng có vai trò quan trọng đối với duy trì sức khỏe và có thể làm tăng nhanh gánh nặng của các bệnh. Môn học này khảo sát một cách chung nhất về vấn đề dinh dưỡng liên quan đến thiếu dinh dưỡng (suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng) và thừa dinh dưỡng (thừa cân, béo phì và các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng). Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên các chiến lược trước đây và hiện tại nhằm ngăn ngừa và khống chế các bệnh liên quan tới chế độ ăn, dinh dưỡng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ban đầu.

1.4. Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm: 2 TC (1 LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản, Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Dinh dưỡng cơ bản và Khoa học thực phẩm

Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm đang là vấn đề nghiêm trọng đe dọa sức khỏe cộng đồng, nó có thể ảnh hưởng ngay tức thì hoặc lâu dài tới sức khỏe con người. Môn học này sẽ giúp cử nhân dinh dưỡng làm quen với các bệnh liên quan đến thực phẩm hay xảy ra ở cộng đồng và giúp họ có khả năng đánh giá nguy cơ, phát hiện, giám sát và phòng ngừa các bệnh đó một cách hiệu quả (*ngộ độc thực phẩm, các bệnh lây qua thực phẩm*). Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với đánh giá nguy cơ, quản lý nguy cơ và truyền thông nguy cơ tới các chủ thể liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm (*như người tiêu dùng, người sản xuất và người quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm)*.

1.5. Quản lý nguy cơ an toàn thực phẩm: 2 TC (1LT -1TH)

Điều kiện tiên quyết: Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

Thực phẩm cung cấp các chất cần cho sự sống và phát triển của con người nhưng cũng có thể gây nên các tác hại không mong muốn nếu không đảm bảo vệ sinh an toàn. Đặc biệt thực phẩm lưu thông trên thị trường trở thành hàng hóa đặc biệt thì cần được quản lý một cách chặt chẽ hơn nữa. Môn học sẽ cung cấp những nguyên tắc cơ bản về hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn thực phẩm ở Việt Nam, đăng ký chứng nhận sản phẩm thực phẩm, ghi nhãn thực phẩm, thanh tra, kiểm tra từ sản xuất, chế biến và đóng gói thực phẩm. Sinh viên cũng được làm quen với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như GMP, GHP và HACCP. Sinh viên sau khi tốt

nghiệp có thể tổ chức triển khai biện pháp quản lý vệ sinh an toàn các thực phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao như thức ăn chế biến sẵn tại quán ăn đường phố, bếp ăn tập thể hoặc tại các cơ sở sản xuất thực phẩm.

2. Định hướng Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp

2.1. Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp: 2 TC (1 LT - 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe môi trường cơ bản, Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản

Trong môi trường sống nói chung và môi trường lao động nói riêng luôn tồn tại các yếu tố nguy cơ tiềm ẩn có thể có hại đến sức khỏe người lao động cũng như cộng đồng dân cư nói chung. Vai trò của những người làm việc trong lĩnh vực Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp là xác định được các yếu tố nguy cơ tiềm ẩn này, sử dụng các kỹ thuật để đo lường, đánh giá được những nguy cơ của chúng đến sức khỏe cũng như các ảnh hưởng khác, đồng thời đề xuất được những giải pháp, các kỹ thuật để kiểm soát các yếu tố nguy cơ này. Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật, phương pháp phát hiện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố tác hại có trong môi trường và tại nơi làm việc. Thông qua môn học này, các Cử nhân YTCC làm việc trong lĩnh vực SKMT-NN nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật sử dụng trong theo dõi, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy cơ trong cộng đồng và tại nơi làm việc.

2.2. Sức khỏe môi trường: 2 TC (1 LT - 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp, Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học

Sức khỏe môi trường là một khoa học liên ngành nhằm nghiên cứu những ảnh hưởng của môi trường tới sức khỏe con người. Môn học SKMT sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến văn bản, quy định, luật hiện hành về môi trường và SKMT, hệ thống quản lý SKMT từ cấp Trung ương đến cấp địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến lĩnh vực SKMT, cũng như các kiến thức và kỹ năng cần thiết để kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, không khí, chất thải rắn và chất thải y tế, kiểm soát véc tơ truyền bệnh v.v… một cách hiệu quả nhằm góp phần nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

2.3. Sức khỏe nghề nghiệp: 2 TC (1LT-1TH)

Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp, Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản, Dịch tễ học cơ bản

Mỗi ngành nghề có những đặc điểm điều kiện lao động khác nhau, phát sinh ra các yếu tố tác hại nghề nghiệp khác nhau dẫn đến hậu quả đối với sức khỏe người lao động (thể hiện thông qua các vấn đề bệnh nghề nghiệp/tai nạn thương tích nghề nghiệp) cũng khác nhau ở các ngành nghề. Người lao động có sức khỏe tốt sẽ ảnh hưởng rất lớn tới năng suất lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế xã hội. Môn

học Sức khỏe nghề nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể phát hiện một số yếu tố nguy cơ nghề nghiệp thường gặp tại nơi làm việc, các bệnh nghề nghiệp liên quan và các biện pháp phòng chống đặc thù từ đó có khả năng tham gia vào việc quản lý và chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo pháp luật/quy định hiện hành tại Việt Nam.

2.4. Sức khỏe trường học: 2 TC (1 LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh học môi trường - nghề nghiệp, Sức khỏe môi trường cơ bản.

Y tế học đường ngày nay là lĩnh vực được cộng đồng rất quan tâm, đóng vai trò rất quan trọng đối với sức khỏe của trẻ em và thanh thiếu niên. Cùng với sự phát triển không ngừng về kinh tế - văn hóa - xã hội, trường học trở thành một phần không thể thiếu trong môi trường sống của trẻ. Nhiều yếu tố thuận lợi và không thuận lợi của môi trường học tập ảnh hưởng rõ rệt đến sức khỏe của trẻ. Môn học Sức khỏe trường học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khỏe học sinh lứa tuổi học đường, phân tích được các yếu tố nguy cơ đối với một số bệnh và thương tích thường gặp ở lứa tuổi học đường để từ đó thể xây dựng chương trình can thiệp nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho học sinh.

2.5. Quản lý nguy cơ Sức khỏe môi trường - Nghề nghiệp: 2 TC (1LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe môi trường cơ bản, Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản, Dịch tễ học cơ bản

Trong lĩnh vực Y tế công cộng (YTCC) nói chung và Sức khỏe môi trường - nghề nghiệp (SKMT-NN) nói riêng, phương pháp lượng giá nguy cơ là cách tiếp cận hệ thống nhằm mô tả quy mô và bản chất của các nguy cơ SKMT-NN. Để các nhà lãnh đạo đưa ra các quyết định quản lý nguy cơ SKMT-NN nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động. Trên thế giới, các phương pháp lượng giá nguy cơ SKMT và nguy cơ sức khỏe được sử dụng rộng rãi bởi nhiều tổ chức khác nhau nhằm quản lý các nguy cơ này và đây cũng là một trong các môn học chính của các chương trình đào tạo cử nhân và thạc sỹ chuyên ngành SKMT-NN tại nhiều trường đại học của Mỹ, Australia, Canađa, Singapore. Môn học Quản lý Nguy cơ SKMT-NN nhằm cung cấp cho các Cử nhân YTCC, định hướng SKMT-NN các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể lượng giá và đưa ra các giải pháp quản lý hiệu quả các nguy cơ SKMT-NN.

3. Định hướng dịch tễ học

3.1. Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản

Môn học Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm sẽ giúp sinh viên hiểu về thực trạng, các yếu tố quyết định và các nguyên lý xây dựng và vận hành hệ thống giám sát các bệnh không truyền nhiễm từ đó đưa ra những biện pháp phòng, giám sát và kiểm soát các bệnh này trong cộng đồng một cách có hiệu quả.

3.2. Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản

Môn học Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm sẽ cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan tới bệnh truyền nhiễm quan trọng trên thế giới và ở Việt Nam; nguồn lây bệnh; phương thức lây truyền và môi trường gây bệnh; những vấn đề liên quan tới hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam và những biện pháp kiểm soát các bệnh này.

3.3. Thống kê y sinh học thực hành: 2 TC (1 LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê y học, Dịch tễ học cơ bản

Phân tích đa biến nhằm mục tiêu cung cấp các kỹ năng nâng cao về thống kê y tế, môn học này sẽ giúp cho các sinh viên có được các kỹ năng phân tích số liệu nâng cao trong phân tích số liệu bao gồm các phân tích đa biến với các giá trị đầu ra là biến liên tục hoặc nhị phân. Các kỹ thuật kiểm soát yếu tố nhiễu, tác động cũng như các phương pháp xây dựng một mô hình hồi qui tốt để đưa ra các kết luận cũng như dự đoán sẽ được cung cấp trong khóa học này.

3.4. Điều tra một vụ dịch: 2 TC (1 LT - 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê y học, Dịch tễ học cơ bản

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên Cử nhân Y tế công cộng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

3.5. Thiết kế đánh giá chương trình y tế: 2 TC (1 LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê y học, Dịch tễ học cơ bản

Kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo cho thấy nhu cầu tiến hành đánh giá dự án rất cao cả ở cơ quan nhà nước và các tổ chức phi chính phủ bởi sau khi tiến hành các chương trình can thiệp, nhà quản lý đều mong muốn đánh giá được hiệu quả của chương trình can thiệp và rút ra những bài học kinh nghiệm cho những chương trình kế tiếp. Lựa chọn các thiết kế đánh giá hợp lý là một bước rất quan trọng trong đánh giá chương trình y tế bởi vậy thiết kế hợp lý sẽ giúp cho quá trình đánh giá tiết kiệm được thời gian và nguồn lực. Môn học này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để lựa chọn và áp dụng được những thiết kế dịch tễ học vào đánh giá chương trình y tế.

4. Định hướng Truyền thông - Giáo dục sức khỏe

4.1. Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe: 3 TC (2LT-1TH)

Điều kiện tiên quyết: Nâng cao sức khỏe; Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội; Vận động trong thực hành Nâng cao sức khỏe; Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe

Môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng xác định và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên, phân tích vấn đề trong bối cảnh cụ thể để từ đó xác định được các nguyên nhân, nguy cơ, yếu tố ảnh hưởng; trên cơ

sở đó hình thành các mục tiêu chương trình. Các chiến lược hay giải pháp hữu hiệu từ đó được cân nhắc, lựa chọn phù hợp với năng lực của tổ chức và mối quan tâm và ảnh hưởng của các bên liên quan, để rồi có thể lập được kế hoạch hoạt động cụ thể, khả thi và có thể đánh giá một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, tăng cường năng lực của cộng đồng để cùng với các bên liên quan triển khai thực hiện chương trình nâng cao sức khỏe cũng là những khía cạnh nội dung quan trọng được đề cập trong môn học này.

4.2. Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe: 2 TC (1LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Nghiên cứu khoa học, Nghiên cứu định tính, Tổ chức và quản lý hệ thống y tế, Nâng cao sức khỏe

Các nhà hoạch định chính sách, quản lý, các nhà chuyên môn về y tế ngày càng nhận ra rằng các yếu tố về môi trường kinh tế xã hội, hành vi lối sống đóng vai trò quan trọng đối với sức khỏe của cộng đồng. Do vậy, đánh giá các chương trình sức khỏe ngày càng trở nên quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết nhằm chứng minh hiệu quả của đầu tư cho chương trình và để tăng hiệu quả trong đạt được các mục tiêu của chương trình sức khỏe. Môn học Đánh giá các chương trình nâng cao sức khỏe cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết để tham gia lập kế hoạch, thực hiện, viết báo cáo và phổ biến kết quả đánh giá chương trình giáo dục và nâng cao sức khỏe.

4.3. Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe: 2 TC (1LT-1TH)

Điều kiện tiên quyết: Nâng cao sức khỏe, Chính sách y tế

Môn học Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản và khung cơ sở để hiểu được vai trò quan trọng của vận động trong việc thúc đẩy sự ra đời, thực thi và duy trì các chính sách y tế công cộng hiệu quả trong các chương trình nâng cao sức khỏe. Thông qua các bài đọc, bài giảng, bài tập, hoạt động đóng vai, lập kế hoạch hành động cho chiến dịch vận động và phát triển các sản phẩm thường sử dụng trong vận động qua phương tiện thông tin đại chúng, sinh viên sẽ hình thành các kỹ năng cơ bản để có thể tham gia thực hiện vận động hiệu quả cho các chương trình nâng cao sức khỏe.

4.4. Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội: 3 TC (2LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Nâng cao sức khỏe; Tâm lý học sức khỏe, Nhân học và Xã hội học sức khỏe

Môn học TTSK-TTXH cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình truyền thông, các cách tiếp cận và phương pháp truyền thông nhằm cung cấp thông tin, tác động thay đổi thái độ và hành vi. Ý tưởng, thông điệp truyền thông, cách thiết kế và thử nghiệm thông điệp và tài liệu truyền thông sẽ được trình bày, thảo luận. Môn học cũng đề cập các nguyên lý cơ bản của TTXH, các thành tố của hỗn hợp tiếp thị và mối liên quan giữa chúng. TTSK và TTXH sẽ là những nguyên liệu giá trị để người làm công tác TT-GDSK nghiên cứu, áp dụng trong việc thiết kế chương trình và thực hiện chương trình GDSK-NCSK cụ thể tại các địa điểm, cơ

sở cụ thể trong cộng đồng. Đây cũng là nhu cầu đào tạo bức thiết của cán bộ y tế tham gia công tác TT-GDSK hiện nay.

5. Định hướng Dân số học

5.1. Thống kê dân số y tế: 2 TC (1LT - 1TH)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê y tế cơ bản

Học phần này giúp cho học viên hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến thống kê y tế và thống kê dân số. Nội dung của học phần bao gồm các phương pháp thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu của thống kê dân số, tính toán các đặc trưng dân số và cách thức lập các báo cáo thống kê của ngành y tế và DS-KHHGĐ. Sau khi học xong học phần này học viên có thể vận dụng các kiến thức được học vào việc lập các báo cáo thống kê chuyên ngành y tế và dân số-KHHGĐ hiện hành, có thể vẽ được tháp dân số, dự báo dân số của địa phương bằng phương pháp đơn giản.

5.2. Truyền thông DS-KHHGĐ: 2 TC(1LT - 1TH)

Học phần này giúp cho học viên có những hiểu biết cơ bản về truyền thông dân số - KHHGĐ. Nội dung của học phần bao gồm lý thuyết và kỹ năng về truyền thông, vận động, truyền thông thay đổi hành vi và tư vấn về DS-KHHGĐ; lý thuyết và các kỹ năng cần thiết về truyền thông GDSK, DS-KHHGĐ; xây dựng và tổ chức, thực hiện các chiến dịch truyền thông về DS-KHHGĐ tại cộng đồng. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng được trang bị vào việc xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông về dân số - KHHGĐ ở địa phương.

5.3. Quản lý Chương trình Dân số - KHHGĐ: 2 TC (1LT - 1H)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong môn các n*guyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản*

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về KH quản lý, kiến thức và kỹ năng quản lý CT DS-KHHGĐ. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức chung về quản lý, kiến thức và kỹ năng lập KH, tổ chức thực hiện KH, kiểm tra, giám sát và đánh giá chương trình DS-KHHGĐ. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động của CT dân số - KHHGĐ ở địa phương.

5.4. Kinh tế Dân số y tế: 2 TC (2LT - 0 TH)

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế y tế và kinh tế dân số. Nội dung của học phần bao gồm sự liên quan của các biến kinh tế với dân số và y tế, các khái niệm và cách tính chi phí và hiệu quả kinh tế của CTCSSK và dân số - KHHGĐ. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể phân tích và tính toán một số chi phí và hiệu quả kinh tế đơn giản của các chương trình CSSK và DS-KHHGĐ

5.5. Chính sách dân số: 2 TC (2LT - 0TH)

Học phần này giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về chính sách dân số của Việt Nam và một số nước trong khu vực. Nội dung của học phần bao gồm quan điểm, đường lối về dân số - KHHGĐ của Đảng và Nhà nước, nội dung, đặc điểm và quá trình xây dựng chính sách dân số ở VN; Những bài học kinh nghiệm về việc áp dụng chính sách DS ở một số nước trong khu vực và ở Việt Nam. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức được trang bị để tư vấn cho lãnh đạo trong quá trình tổ chức, thực hiện công việc theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

6. Các môn học/học phần tự chọn khác

6.1. Phân tích số liệu bằng STATA: 3 TC (1 LT- 2TH)

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê y học, Dịch tễ học cơ bản

Đây là một môn học tự chọn của sinh viên Y tế công cộng năm thứ 4, môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong việc phân tích số liệu cho các cuộc điều tra/nghiên cứu trong lĩnh vực y tế sử dụng chương trình phần mềm STATA. Sinh viên tham dự khóa học này đã phải hoàn thành các khóa học về thống kê cơ bản, dịch tễ học cơ bản… vì thế khóa học chỉ tập trung vào các kỹ năng phân tích số liệu với phần mềm STATA, giúp sinh viên làm quen với các thao tác cơ bản của STATA và biết cách sử dụng và kết hợp một số lệnh cơ bản trong STATA.

6.2. Tiếp thị xã hội: 2 TC (2LT)

Điều kiện tiên quyết: Nâng cao sức khỏe, Tâm lý học sức khỏe, Nhân học và Xã hội học sức khỏe, Tổ chức và quản lý hệ thống y tế

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về tiếp thị, tiếp thị xã hội, các thành tố của tiếp thị hỗn hợp, vai trò và cách thức tiến hành nghiên cứu ban đầu trước khi thiết kế và triển khai chương trình TTXH nhằm đạt được mục tiêu TTXH đã xác định. Đối tượng đích của chiến dịch TTXH, các yếu tố của tiếp thị hỗn hợp (các yếu tố Ps) sẽ được phân tích kĩ lưỡng theo từng vấn đề sức khỏe cụ thể để việc thiết kế chiến dịch và thực hiện hoạt động xúc tiến đạt hiệu quả.

6.3. Quản lý dự án: 2 TC (2LT)

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế

Quản lý dự án là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến Xây dựng dự án; Tổ chức thực hiện dự án và Theo dõi, đánh giá dự án. Các kiến thức này nhằm giúp cho sinh viên có thể thực hiện được các năng lực (competences) của Cử nhân y tế công cộng sau khi tốt nghiệp.

6.4. Dịch tễ học chấn thương: 2 TC (2LT)

Chấn thương là một vấn đề sức khỏe cần đáng quan tâm của cộng đồng. Trong bối cảnh chuyển dịch mô hình dịch tễ học và sự thay đổi về kinh tế, các quốc gia bao giờ cũng gặp phải vấn đề này. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên có được các

kiến thức, kỹ năng trong việc phân tích các mô hình chấn thương, tai nạn thương tích trong các bối cảnh khác nhau. Môn học cũng đồng thời cung cấp cho các sinh viên kỹ năng phân tích các mối nguy cơ, theo dõi và đưa ra được những chiến lược phòng chống chấn thương một cách hiệu quả và phù hợp.

6.5. Theo dõi đánh giá: 2 TC (1LT-1TH)

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý hệ thống y tế, Dịch tễ học cơ bản, Xác suất - Thống kê y học

Theo dõi và đánh giá là chức năng quan trọng của công tác quản lý. Qua theo dõi và đánh giá, người quản lý sẽ biết được tiến độ của chương trình/hoạt động y tế, và điều quan trọng là xác định được những kết quả kỳ vọng. Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về nội dung theo dõi đánh giá và kỹ năng xây dựng đề cương đánh giá một chương trình/hoạt động y tế.

6.6. Chương trình Phòng chống HIV/AIDS: 3 TC (2 LT-1TH)

Hiện nay, chương trình phòng chống HIV/AIDS là một trong những chương trình ưu tiên tại Việt Nam do số lượng người nhiễm vẫn đang tăng nhanh và có nguy cơ lan rộng vào cộng đồng bình thường. Chương trình này được xem là một ví dụ cụ thể trong đó các nguyên lý và chức năng về y tế công cộng được ứng dụng hết sức sinh động. Môn học phòng, chống HIV/AIDS là môn học tự chọn và có vai trò quan trọng đối với những sinh viên đang hoặc sẽ làm việc trong các lĩnh vực y tế như y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe cộng đồng, chăm sóc và điều trị bệnh tại bệnh viện hoặc tại cộng đồng. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản và đầy đủ về chương trình phòng chống HIV/AIDS đang được triển khai tại Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE
NGÀNH ĐÀO TẠO: VẬT LÝ TRỊ LIỆU
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Ngành đào tạo: Vật lý trị liệu (Physical Therapy)

- Mã ngành đào tạo: 52720333

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Vật lý trị liệu có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về Thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Khiêm tốn học tập, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn.

Về Kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật - công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành Vật lý trị liệu.

- Hiểu biết các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật Vật lý trị liệu;

- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về Kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật khám - lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh lý thông thường và phức tạp.

- Thiết lập được mục tiêu, kế hoạch điều trị bằng phương pháp Vật lý trị liệu và tiên lượng phục hồi phù hợp trên từng trường hợp bệnh cụ thể.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Vật lý trị liệu thông thường và các kỹ thuật Vật lý trị liệu chuyên sâu.

- Có khả năng làm việc theo nhóm phục hồi và phối hợp với các thành viên trong nhóm để nghiên cứu khoa học và thực hiện các kế hoạch phục hồi cho bệnh nhân.

- Chuyển giao kiến thức và kỹ năng chuyên ngành cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.

- Sử dụng thành thạo và bảo quản các trang thiết bị trong khoa Vật lý trị liệu, thích ứng được với các trang thiết bị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin.

- Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.

- Tham gia đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo.

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 202 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (11 đvht)

- ***Thời gian đào tạo***: 4 năm.

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo.

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	**Kiến thức Giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)	43
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu,** trong đó:	
	Kiến thức cơ sở của ngành	25
	Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)	73
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	45
	Thực tế tốt nghiệp	06
	Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận	10
Tổng cộng		**202**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 đvht (39 LT - 02 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	8	8	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4	4	0
4	Ngoại ngữ	10	10	0
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	5*		
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	11*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0
9	Hóa học	2	2	0
10	Sinh học và Di truyền	3	2	1
11	Vật lý và Lý sinh	2	2	0
12	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
13	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	3	3	0
Tổng cộng		**43***	**39***	**2***

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:

3.1.2.1 Kiến thức cơ sở ngành 25 đvht (19 LT - 06 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
1	Giải phẫu	3	2	1
2	Sinh lý	2	1	1
3	Giải phẫu bệnh	2	1	1
4	Sinh lý bệnh & Miễn dịch	2	1	1
5	Hóa sinh	2	1	1
6	Dược lý	2	2	0
7	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	2	1	1
8	Bệnh học Nội khoa	2	2	0

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
9	Bệnh học Ngoại khoa	2	2	0
10	Sức khỏe môi trường	2	2	0
11	Dịch tễ học và Các bệnh truyền nhiễm	1	1	0
12	Tổ chức y tế - Chương trình y tế - Giáo dục sức khỏe	3	3	0
Tổng cộng		**25**	**19**	**6**

3.1.2.3. Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành) 73 đvht (29 LT- 44 TH)

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Giải phẫu chức năng	4	2	2
2	Khoa học thần kinh	2	2	0
3	Vận động học và sinh cơ học khớp/cơ	4	2	2
4	Lượng giá chức năng	5	2	3
5	Vận động trị liệu 1	3	2	1
6	Vận động trị liệu 2	3	1	2
7	Các phương thức điều trị Vật Lý trị liệu 1	2	1	1
8	Các phương thức điều trị Vật Lý trị liệu 2	4	2	2
9	Bệnh lý và VLTL hệ cơ - xương 1	5	2	3
10	Bệnh lý và VLTL hệ cơ - xương 2	4	2	2
11	Bệnh lý và VLTL hệ cơ - xương 3	2	1	1
12	Bệnh lý và VLTL hệ tim mạch - hô hấp	5	2	3
13	Bệnh lý và VLTL hệ thần kinh - cơ	5	2	3
14	Bệnh lý và VLTL hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục - nội tiết	4	2	2
15	Tổ chức & quản lý khoa Vật Lý Trị liệu - Phục Hồi Chức Năng - Kỹ năng giao tiếp chuyên ngành VLTL	2	2	0
16	PHCN dựa vào cộng đồng	3	2	1
17	Thực tập lâm sàng 1	4	0	4
18	Thực tập lâm sàng 2	4	0	4
19	Thực tập lâm sàng 3	4	0	4
20	Thực tập lâm sàng 4	4	0	4
Tổng cộng		**73**	**29**	**44**

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

4. Ngoại ngữ: 10 đvht

Gồm 3 học phần 1, 2 và 3.

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đó hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; sử dụng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Giáo dục quốc phòng - An ninh: 11 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác suất - thống kê y học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý

được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học: 2 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hóa học, hóa hữu cơ, hóa phân tích và các ứng dụng cũng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và di truyền: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý và lý sinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

12. Nghiên cứu khoa học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học.

Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu.

13. Tâm lý y học và Đạo đức Y học: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Giải phẫu: 3 đvht

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu đại thể của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng.

15. Sinh lý: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, lý sinh, hóa học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của cơ quan, hệ thống cơ quan và chức năng điều hòa trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài

16. Giải phẫu bệnh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý, mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống.

17. Sinh lý bệnh - Miễn dịch: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, những rối loạn chức năng của các cơ quan trong quá trình bệnh lý phổ biến; vai trò của hệ thống miễn dịch và những cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch.

18. Hóa sinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh, bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào sống của cơ thể, các nguyên tắc và ý nghĩa của một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường.

19. Dược lý: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Hóa sinh

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về dược lý học tác dụng và cách sử dụng một số thuốc thông thường, tác dụng không mong muốn của thuốc và cách phòng ngừa nhằm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả.

20. Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Dược lý; Tâm lý học và Đạo đức y học.

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc người bệnh, sơ - cấp cứu ban đầu người bị nạn và các kỹ thuật tiêm, truyền.

21. Bệnh học Nội khoa: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, Dược lý, Tâm lý học và Đạo đức y học

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng và phương pháp phòng và xử trí một số bệnh nội khoa thường gặp.

22. Bệnh học Ngoại khoa: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, Dược lý, Tâm lý học và y đức.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng, phương pháp phòng và xử trí một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

23. Sức khỏe môi trường: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng chống.

24. Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy cơ, diễn biến, các biện pháp phòng chống dịch và đặc điểm dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm thường gặp

25. Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe: 3 đvht

Nội dung gồm hệ thống tổ chức mạng lưới y tế, các chương trình y tế quốc gia đang triển khai thực hiện, các kiến thức về truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, các phương pháp, phương tiện truyền thông trong công tác giáo dục chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

26. Giải phẫu chức năng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu và sinh lý.

Nội dung gồm các kiến thức về vị trí của cơ: nguyên ủy và bám tận, chức năng của một cơ hay nhóm cơ, thần kinh chi phối để điều khiển hoạt động chức năng của các nhóm cơ chi trên, chi dưới, cột sống và đầu mặt - cổ. Phân loại các loại khớp trong cơ thể và các chức năng hoạt động.

27. Khoa học thần kinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh.

Nội dung gồm kiến thức về sự phát triển của hệ thần kinh và mối liên quan đến sự phát triển vận động, vai trò của hệ thần kinh trong chức năng vận động, chức năng cảm giác, hệ thính giác và thị giác, thần kinh vận động, cơ vân và sự kiểm soát của tủy sống. Các chức năng thần kinh cao cấp bao gồm chức năng ngôn ngữ, nhận thức và cử động hữu ý. Các chứng đau do nguồn gốc thần kinh và sự tái sinh thần kinh sau tổn thương, ứng dụng các kiến thức vào lĩnh vực vật lý trị liệu và phục hồi.

28. Vận động học và sinh cơ học của khớp: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng.

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng, nguyên tắc cơ học về lực và tư thế, cơ chế của cử động và nguyên tắc của đòn bẩy, các cử động xảy ra tại mỗi khớp trong cơ thể, các tư thế căn bản và tư thế biến thể. Giải thích sự vận động trên sinh cơ học của khớp.

29. Lượng giá chức năng: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu và giải phẫu chức năng

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng của cách khám, lượng giá, cách thiết lập hồ sơ VLTL dựa trên sự phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới.

Phương pháp thử cơ bằng tay và đo tầm vận động khớp ở chi trên, chi dưới, cột sống; mẫu dáng bộ bình thường, các chu kỳ của dáng đi và những sai lệch trong dáng bộ và dáng đi.

30. Vận động trị liệu 1: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; lượng giá chức năng

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng và những nguyên lý cơ bản, chỉ định và chống chỉ định của các bài tập thô động, chủ động tập, chủ động tập trợ giúp, chủ động tập có lực kháng.

31. Vận động trị liệu: 23 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; lượng giá chức năng

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng kỹ thuật tạo thuận cảm thô bản thể thần kinh - cơ; kỹ thuật tập trên banh trị liệu, kỹ thuật tập chuỗi động đóng và chuỗi động mở, kỹ thuật isokinetic..., sử dụng các phương tiện trợ giúp như gậy, nạng, khung tập đi, xe lăn...

32. Các phương thức điều trị vật lý trị liệu 1: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng và vật lý.

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng về tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp.

33. Các phương thức điều trị vật lý trị liệu 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng và vật lý.

Nội dung gồm các tác dụng điều trị, tai biến và các biện pháp an toàn, chỉ định và chống chỉ định của các phương pháp điều trị bằng siêu âm, thấu nhiệt sóng ngắn, các dũng điện giảm đau, kích thích điện, laser trị liệu và ánh sáng trị liệu. Các phương pháp áp dụng nước trong điều trị và nhiệt trị liệu. Sử dụng và bảo quản máy móc điện trị liệu, thủy và nhiệt trị liệu.

34. Bệnh lý và vật lý trị liệu cơ xương 1: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý và giải phẫu chức năng; sinh lý bệnh - miễn dịch, bệnh học nội khoa.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho các trường hợp gãy xương chi trên, chi dưới, cột sống và chấn thương đầu. Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu cho các trường hợp gãy xương. Ứng dụng các kiến thức và kỹ năng của các môn Vận động học - Vận động trị liệu, các phương thức điều trị VLTL trong điều trị gãy xương chi trên, chi dưới, cột sống và chấn thương đầu.

35. Bệnh lý và vật lý trị liệu cơ xương 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng; sinh lý bệnh - miễn dịch, bệnh học nội khoa, bệnh học ngoại khoa.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý chỉnh hình và chấn

thương trong thể dục thể thao; Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu cho các khớp của chi trên, chi dưới và cột sống; nguyên tắc thực hiện kỹ thuật di động khớp (Joint Mobilization) trên từng khớp của cơ thể.

36. Bệnh lý và vật lý trị liệu cơ xương 3: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu chức năng; sinh lý bệnh - miễn dịch, bệnh học nội khoa, bệnh học ngoại khoa.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp có vấn đề về cơ xương và chấn thương trong thể dục thể thao. Sơ cứu và cách phòng ngừa các tai nạn trong luyện tập thể dục thể thao và trong thi đấu.

37. Bệnh lý và Vật lý trị liệu hô hấp và tim mạch: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh - miễn dịch

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý về hệ hô hấp và tim mạch. Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh hệ hô hấp và tim mạch ở người lớn. Điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh hệ hô hấp và tim mạch.

38. Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ Thần kinh - Cơ: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh - miễn dịch, khoa học thần kinh.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng và tiên lượng cho từng trường hợp bệnh lý của hệ thần kinh - cơ; Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh hệ thần kinh - cơ ở các lứa tuổi; Điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh lý hệ thần kinh - cơ ở các lứa tuổi.

39. Bệnh lý và VLTL hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục và nội tiết: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, sinh lý, giải phẫu bệnh, sinh lý bệnh - miễn dịch.

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về bệnh nguyên, dấu hiệu lâm sàng, điều trị, biến chứng cho từng trường hợp bệnh lý của hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục và nội tiết; Nguyên tắc khám và lượng giá Vật lý trị liệu trong các trường hợp bệnh hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục và nội tiết bao gồm VLTL cho sản phụ trước và sau khi sanh; Điều trị VLTL thích hợp trong các trường hợp bệnh lý hệ da - tiêu hóa - tiết niệu - sinh dục và nội tiết.

40. Tổ chức và quản lý Khoa VLTL/PHCN: 2 đvht

Nội dung gồm kiến thức về hệ thống tổ chức và quản lý ngành VLTL - PHCN từ trung ương đến địa phương; chức trách và nhiệm vụ của các thành viên trong Khoa VLTL - PHCN; hoạt động của các thành viên trong nhóm phục hồi và cách tổ chức một khoa VLTL - PHCN ở các tuyến.

41. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở của ngành

Nội dung gồm kiến thức và kỹ năng về hệ thống tổ chức và quản lý chương trình PHCN dựa vào cộng đồng của Việt Nam; cách phát hiện và phân loại 07 nhóm tàn tật tại cộng đồng; sử dụng sách huấn luyện PHCN dựa vào cộng đồng; các phương cách PHCN 07 nhóm tàn tật.

42. Thực tập lâm sàng 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành, kiến thức ngành

Nội dung gồm thực tập các kỹ thuật cơ bản về khám và lượng giá, áp dụng các kỹ thuật lượng giá chức năng và vận động trị liệu cơ bản trên bệnh nhân, sử dụng các dụng cụ và thiết bị Vật lý trị liệu tại các cơ sở thực tập; Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và thân nhân người bệnh.

43. Thực tập lâm sàng 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập lâm sàng 1

Nội dung gồm thực tập kỹ năng khám và lượng giá, thiết lập chương trình điều trị Vật lý trị liệu nhấn mạnh vào sự an toàn của bệnh nhân, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật Vật lý trị liệu trong việc lượng giá và điều trị bệnh nhân.

44. Thực tập lâm sàng 3: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập lâm sàng 2

Nội dung gồm khám và lượng giá hoàn chỉnh các trường hợp bệnh thường gặp, thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị Vật lý trị liệu thích hợp. Sử dụng các dụng cụ và trang thiết bị một cách thành thạo và áp dụng đúng các kỹ thuật điều trị Vật lý trị liệu; Hướng dẫn bệnh nhân và người thân người bệnh phương pháp dự phòng y học và chương trình tập tại nhà.

45. Thực tập lâm sàng 4: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực tập lâm sàng 3

Nội dung gồm khám và lượng giá hoàn chỉnh các trường hợp bệnh thông thường và phức tạp, thiết lập mục tiêu và chương trình điều trị Vật lý trị liệu thích hợp. Sử dụng các dụng cụ và trang thiết bị một cách thành thạo và áp dụng thành thạo các kỹ thuật điều trị Vật lý trị liệu. Hướng dẫn bệnh nhân và thân nhân người bệnh phương pháp dự phòng y học và chương trình tập tại nhà.

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình khung đào tạo ngành cử nhân vật lý trị liệu để thiết kế chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo ngành học Vật lý trị liệu trình độ đại học

Chương trình khung đào tạo ngành học Vật lý trị liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa của các đại học tham gia đào tạo ngành Vật lý trị liệu. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đó được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đó quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính logic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn và áp dụng phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Vật lý trị liệu theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Vật lý trị liệu hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Vật lý trị liệu đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Vật lý trị liệu đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

4.3.1. Thực tập tại phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng:

Tổ chức thực hiện thực tập tại các phòng thí nghiệm và phòng thực tập tiền lâm sàng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp và trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo,

trường có thể quy định điểm kết thúc mỗi môn học/học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

4.3.2. Thực hành lâm sàng

Sinh viên đi thực hành bệnh viện sau khi đã làm được một số kỹ thuật cơ bản. Nên sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện càng sớm càng tốt, thường bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V và bố trí 5 buổi/tuần.

Thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế được Bộ Y tế công nhận, gồm bệnh viện tuyến Trung ương, Thành phố, Tỉnh, Quận, Huyện.

4.3.3. Thực tế tại cộng đồng

Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

Để tăng cường hiệu quả các buổi thực hành, thực tập trường phân công giảng viên theo dõi, giám sát các hoạt động của sinh viên, kết hợp với các giảng viên kiêm nhiệm tại cơ sở để giảng dạy và tổ chức thi kiểm tra.

4.4. Thực tế tốt nghiệp và thi tốt nghiệp

4.4.1. Thực tế tốt nghiệp

Tại gia đình người khuyết tật, tại các tuyến cơ sở y tế (thôn/ấp, xóm, xã, huyện) có chương trình PHCN tại cộng đồng thuộc khu vực mà nhà trường được phép quản lý.

4.4.2. Thi tốt nghiệp

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian ôn thi và làm khóa luận tốt nghiệp theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian thi tốt nghiệp theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hình thức thi: có hai hình thức
  + Khóa luận tốt nghiệp
  + Thi lý thuyết, thi thực hành

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành Vật lý trị liệu

Để đào tạo ngành Vật lý trị liệu, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.6.1. Tổ chức: Các Khoa/Bộ môn của ngành tối thiểu phải có:

- Bộ/Tổ môn các môn học cơ sở chuyên ngành VLTL.
- Bộ/Tổ môn giải phẫu chức năng.
- Bộ/Tổ môn Vật lý trị liệu lâm sàng.
- Bộ/Tổ môn thực tập bệnh viện và thực tập cộng đồng

4.6.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Mỗi học phần/môn học chuyên ngành phải có ít nhất 01 phòng thực hành và 01 phòng thực hành kỹ năng chung (skills lab) bao gồm:

- Phòng thực tập vận động trị liệu.
- Phòng thực tập điện trị liệu.
- Phòng thực tập thủy trị liệu.
- Phòng thực hành kỹ năng tiền lâm sàng (skills lab.)
- Phòng vi tính có nối mạng
- Phòng thư viện có sách chuyên ngành Vật lý trị liệu/PHCN.

4.6.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học:

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục

ĐỀ XUẤT DANH MỤC MỘT SỐ HỌC PHẦN BỔ TRỢ

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Phương pháp Nghiên cứu khoa học (thực hành ứng dụng các phần mềm để xử lý)	2	0	2
2	Quá trình phát triển con người	3	2	1
3	VLTL cho người bị cắt cụt chi & dụng cụ chỉnh hình	4	2	2
4	VLTL hô hấp cho nhi sơ sinh	4	1	3
5	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1
6	Kỹ năng giao tiếp ngành VLTL	2	2	0
7	Vệ sinh - An toàn thực phẩm	2	2	0
8	Thực tập lâm sàng - VLTL hệ tim mạch - hô hấp	4	0	4
9	Thực tập lâm sàng - VLTL cơ xương	4	0	4
10	Thực tập lâm sàng - VLTL nhi khoa	4	0	4
11	Thực tập lâm sàng - VLTL thần kinh - cơ	4	0	4
12	Thực tập lâm sàng - VLTL cho BN cắt cụt chi - bàn chân cho người đái tháo đường	4	0	4
13	Thực tập lâm sàng - VLTL cho sản phụ trước và sau khi sanh và các vấn đề đau của sản phụ	3	0	3
14	Thực tập cộng đồng PHCN dựa vào cộng đồng	4	0	4
15	Nhà nước và pháp luật	2	2	0
Tổng cộng		**48**	**12**	**36**

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE
NGÀNH ĐÀO TẠO: KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

- **Trình độ đào tạo:** Đại học
- **Ngành đào tạo:** Kỹ thuật Phục hình răng
(Dental Technology)
- **Mã ngành đào tạo:** 52720602

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Phục hình răng có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học cơ sở, công nghệ và mỹ thuật vững chắc; đủ kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành để thực hiện chế tác trong labo các loại phục hình răng hàm mặt: phục hình tháo lắp toàn phần và từng phần, hàm khung, phục hình cố định, hàm chỉnh hình, phục hình trên cấy ghép... Có khả năng quản lý về chuyên môn và trang thiết bị của một labo răng hàm mặt; có ý thức làm việc theo nhóm và có khả năng tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học và tự đào tạo đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng y đức, yêu ngành, yêu nghề, có ý thức làm việc nhóm;
- Khiêm tốn, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- Thể hiện đức tính cẩn trọng, tỷ mỷ, chính xác trong công việc;
- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên, làm chủ khoa học công nghệ chuyên ngành.

Về kiến thức:

- Có kiến thức về giải phẫu, sinh lý hệ thống nhai,

- Có kiến thức cơ sở về khoa học, mỹ thuật và công nghệ hiện đại ứng dụng trong kỹ thuật phục hình răng,

- Có kiến thức vững chắc về phục hình răng, phục hình hàm mặt, chỉnh hình.

- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng:

- Làm được phần labo các loại phục hình: cố định, tháo lắp toàn phần, từng phần, khung bộ thường, khung liên kết, sứ, chỉnh hình răng mặt, cấy ghép và các loại phục hình cao cấp khác;

- Phối hợp với bác sĩ răng hàm mặt để nghiên cứu, thực hiện các phục hình khú và loại phục hình đặc biệt;

- Quản lý, sử dụng, bảo quản và phát triển trang bị trong một labo;

- Có kỹ năng tự đào tạo, tham gia đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu***: 202 đơn vị học trình (đvht), chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (11 đvht)

- ***Thời gian đào tạo***: 4 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể các phần nội dung: Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)	45
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu**, trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở của ngành	57
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	50
	- Kiến thức bổ trợ	34
	- Thực tập nghề nghiệp	06
	- Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận	10
	Tổng cộng	**202**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: ***41 đvht (39 LT + 2 TH)***

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	8	8	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4	4	0
4	Ngoại ngữ (Có NN chuyên ngành)	10	10	0
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất *	5 *		
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh *	11*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0
9	Hóa học	2	2	0
10	Sinh học và Di truyền	3	2	1
11	Vật lý và Lý sinh	2	2	0
12	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
13	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	3	3	0
Tổng cộng		**41***	**39***	**2***

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: ***57 đvht (33 LT + 24 TH)***

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Giải phẫu đầu mặt và răng	8	3	5
2	Mô phôi và sinh học miệng	3	2	1
3	Vật lý ứng dụng	2	2	0
4	Hóa học ứng dụng	2	2	0
5	Công nghệ vật liệu	2	1	1

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
6	Cơ khí ứng dụng	2	2	0
7	Mỹ thuật ứng dụng	3	2	1
8	Tin học ứng dụng	4	2	2
9	Vật liệu nha khoa	2	2	0
10	Cắn khíp học	3	2	1
11	Sinh cơ học phục hình răng	2	2	0
12	Dấu (khuôn) và mẫu trong KT PHR	4	2	2
13	Ghi và tái lập các tương quan	2	1	1
14	Tạo mẫu và kỹ thuật sáp	4	1	3
15	Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa	4	2	2
16	Lưu và bền chắc	3	1	2
17	Gia công kim loại trong KT PHR	4	2	2
18	Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa	3	2	1
Tổng cộng		**57**	**33**	**24**

3.1.2.3. Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành) 50 đvht (14LT + 36TH)

TT	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			LT	TH
1	Kỹ thuật phục hình tháo lắp 1: hàm toàn bộ	5	1	4
2	Kỹ thuật phục hình tháo lắp 2: hàm từng phần	4	1	3
3	Kỹ thuật phục hình cố định 1: răng chốt, cùi, inlay-onlay	5	2	3
4	Kỹ thuật phục hình cố định 2: mão, cầu kim loại	5	1	4
5	Kỹ thuật phục hình khung và khung liên kết	5	2	3
6	Kỹ thuật phục hình mão sứ kim loại	3	1	2
7	Kỹ thuật phục hình cầu sứ kim loại	4	1	3
8	Kỹ thuật phục hình toàn sứ	3	1	2
9	Kỹ thuật chỉnh hình răng mặt	5	2	3
10	Công nghệ CAD/CAM nha khoa	3	2	1
11	Phối hợp lâm sàng 1	4		4
12	Thực tập thực địa 1	4		4
Tổng cộng		**50**	**14**	**36**

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc:

1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ :10 đvht

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đó hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 3 đvht

Nội dung bao gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy vi tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word. Dựng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Interrnet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

7. Giáo dục quốc phòng và an ninh: 11 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác xuất - Thống kê y học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học: 2 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hóa học, hóa hữu cơ, hóa phân tích và các ứng dụng cũng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và di truyền: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý và Lý sinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

12. Nghiên cứu khoa học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học.

Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu.

13. Tâm lý y học và đạo đức y học: 2 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Giải phẫu đầu mặt và răng 1: 4 đvht

Nội dung gồm giải phẫu vùng đầu mặt và răng có liên quan đến chức năng nhai, chức năng nâng đỡ phục hình; đặc điểm hình thái vùng đầu mặt liên quan đến phục hình hàm mặt và chỉnh hình;

15. Giải phẫu đầu mặt và răng 2: 4 đvht

Nội dung gồm đặc điểm hình thái và mối liên hệ với chức năng của răng và bộ răng (răng sữa và răng vĩnh viễn), đặc điểm nhóm và đặc điểm cung của từng nhóm răng, cung răng, đặc điểm riêng của từng răng; bộ răng người trong bối cảnh sinh học và sinh học tiến hóa bộ răng người.

16. Mô phôi và sinh học miệng: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu đầu mặt và răng

Các giai đoạn chính của sự hình thành phôi thai phần mềm, cấu trúc xương vùng hàm mặt và khíp thái dương hàm; các giai đoạn hình thành răng, cấu trúc mô học của các mô răng, nha chu, niêm mạc miệng; những ứng dụng trong bệnh học, dự phòng và điều trị các bệnh răng miệng; quá trình hình thành các dịch và thành phần tích tụ trên răng; thành phần của các dịch vùng miệng và thành phần tích tụ trên răng. Các quá trình sinh học và sinh bệnh học liên quan đến môi trường miệng và các mô vùng răng miệng; các quá trình lý sinh vùng miệng.

17. Vật lý ứng dụng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Vật lý và lý sinh.

Nội dung gồm kiến thức vật lý cổ điển và hiện đại về cơ học, quang học, nhiệt học, điện học có nhiều ứng dụng trong kỹ thuật phục hình răng và tương tác giữa cơ thể sống nói chung, môi trường miệng nói riêng với các yếu tố vật lý.

18. Hóa học ứng dụng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học

Nội dung gồm các chủ đề hóa học đại cương, vô cơ, hữu cơ, hóa lý có nhiều ứng dụng trong kỹ thuật phục hình răng và vật liệu kỹ thuật phục hình răng.

19. Công nghệ vật liệu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Vật lý ứng dụng, hóa học ứng dụng.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về khoa học vật liệu, thành phần, cấu trúc của các nhóm vật liệu chính: kim loại, ceramic, hữu cơ polyme và composite.

20. Cơ khí ứng dụng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ vật liệu

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về sử dụng những dụng cụ đo lường cơ bản và các phương pháp đo; các khái niệm về dung sai và lắp ghép; khái niệm cơ bản về các phương pháp gia công tạo hình chi tiết, khả năng ứng dụng trong công việc phục hình răng - hàm - mặt.

21. Mỹ thuật ứng dụng: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mỹ học, mỹ thuật; các khái niệm về hình khối, đường nét, màu sắc, sắc độ đậm nhạt của các vật mẫu; khái niệm về màu và pha trộn màu; xây dựng các khối và đồ họa cơ bản; rèn luyện kỹ năng khéo tay và khả năng quan sát hình khối.

22. Tin học ứng dụng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ vật liệu, cơ khí ứng dụng.

Nội dung gồm các phần mềm xử lý hình ảnh, đồ họa; ứng dụng internet trong nhận và truyền thông tin văn bản, hình ảnh số hóa... có nhiều ứng dụng trong công nghệ labo phục hình răng.

23. Vật liệu nha khoa: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Lý sinh; Hóa học.

Nội dung gồm cấu trúc và tính chất vật lý, tính tương hợp sinh học của vật liệu nha khoa; thành phần của từng loại vật liệu - vai trò và tính chất của các chất tham gia cấu thành vật liệu; các tính chất của từng vật liệu và các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất đó; những biến đổi lý, hóa của vật liệu nha khoa trong môi trường miệng; chỉ định và phương pháp sử dụng của từng loại vật liệu.

24. Cắn khíp học: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, mô phôi và Sinh học miệng, tạo mẫu và gia công nhựa 1 và 2.

Nội dung gồm giải phẫu chức năng của hệ thống nhai; động học của hàm dưới; các hoạt động chức năng, cận chức năng và mối liên hệ với các quá trình bệnh lý. Sử dụng được các giá khíp như một phương tiện chẩn đoán và điều trị; sự liên quan giữa đặc điểm hình thái của bộ răng và vận hành của hàm dưới; thực hiện được máng nhai.

25. Sinh cơ học phục hình răng: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, mô phôi và Sinh học miệng, dấu và mẫu, tạo mẫu và gia công nhựa 1 và 2.

Nội dung gồm các vấn đề sinh cơ học của các loại phục hình tác động trên cơ thể sống, các giải pháp chống các lực bất lợi tác động lên phục hình răng, răng trụ và mô nâng đỡ, niêm mạc trong PHR cố định, PHTL bán phần, PHTL toàn phần. Các lực áp dụng trong CHRM và mô tả các ứng dụng lực của các khí cụ chỉnh hình. Hiện tượng điện hóa học ứng dụng trong nha khoa, các ứng dụng về quang học trong labo: quang trùng hợp, ánh sáng và màu sắc.

26. Dấu (khuôn) và mẫu trong KT PHR: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, mô phôi và Sinh học miệng, vật liệu nha khoa, sinh cơ học phục hình răng.

Nội dung gồm các loại dấu và phương tiện lấy dấu kể cả dấu quang học; đặc điểm của các loại dấu và phương pháp đổ mẫu; các loại dấu và mẫu thường dùng trong các phục hình thông dụng; phương pháp xử lý dấu, mẫu và bảo quản mẫu.

27. Ghi và tái lập các tương quan: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, mô phôi và Sinh học miệng, tạo mẫu và gia công nhựa 1 và 2, dấu và mẫu.

Nội dung gồm khái niệm về các tương quan trong nha khoa, các phương pháp và phương tiện ghi và tái lập các tương quan; các hình thức giao tiếp để chuyển các tương quan giữa labo và lâm sàng.

28. Tạo mẫu và kỹ thuật sáp: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, dấu và mẫu, vật liệu nha khoa, sinh cơ học phục hình răng, cắn khíp học.

Nội dung gồm nguyên tắc và kỹ thuật tạo mẫu sáp để thực hiện các loại phục hình tháo lắp từng phần, toàn phần, các loại phục hình cố định, các loại phục hình tạm...

29. Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, dấu và mẫu, vật liệu nha khoa, sinh cơ học phục hình răng, cắn khíp học, tạo mẫu và gia công nhựa 1.

Nội dung gồm nguyên tắc và kỹ thuật ép nhựa và/hoặc composite để thực hiện các loại phục hình tháo lắp từng phần, toàn phần, các loại phục hình cố định, các loại phục hình tạm..Các kỹ thuật tạo hình khác dựng nhựa.

30. Lưu và bền chắc: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, mô phôi và Sinh học miệng, công nghệ vật liệu, vật liệu nha khoa, dấu và mẫu, tạo mẫu và gia công nhựa 1 và 2.

Nội dung gồm các nguyên tắc, hình thức và phương pháp tạo các loại lưu cơ học, vật lý và hóa học trong nha khoa; cơ sở khoa học và kỹ thuật tạo các loại lưu phổ biến giữa kim loại và nhựa, giữa nhựa và nhựa, giữa kim loại và sứ...Các hình thức tăng cường độ bền chắc cho phục hình.

31. Gia công kim loại trong KT phục hình răng: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ vật liệu, vật liệu nha khoa, cơ khí ứng dụng, dấu và mẫu.

Nội dung gồm nguyên tắc và quy trình đóc kim loại, làm nguội kim loại và đánh bóng kim loại; chỉ định, nguyên tắc và quy trình hàn kim loại; nguyên lý CAD-CAM cho kim loại trong labo phục hình răng.

32. Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu răng, mô phôi và Sinh học miệng, dấu và mẫu, tạo mẫu và kỹ thuật sáp, tạo mẫu và kỹ thuật nhựa.

Nội dung gồm nguyên lý vận hành các trang thiết bị chủ yếu trong labo; những nguyên tắc hợp lý hóa lao động trong labo RHM; các mô hình quản lý labo phục hình răng chuyên nghiệp.

33. Kỹ thuật phục hình tháo lắp 1: Hàm toàn bộ: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành.

Nội dung gồm cơ sở sinh học, động học, cơ chế hàm giả toàn bộ cổ điển (tháo lắp nền nhựa) và các loại phục hình toàn bộ trên implant; kỹ thuật thực hiện các loại phục hình toàn bộ và các kỹ thuật phục hình toàn bộ chuyên sâu.

34. Kỹ thuật phục hình tháo lắp 2: Hàm từng phần: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành.

Nội dung gồm cơ sở sinh học, cơ học, động học và cơ chế các loại phục hình tháo lắp từng phần, bao gồm hàm khung và các loại phục hình từng phần trên implant; kỹ thuật thực hiện các loại phục hình từng phần và các kỹ thuật phục hình từng phần chuyên sâu.

35. Kỹ thuật phục hình Cố định 1: Răng chốt, cùi, inlay-onlay: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành.

Nội dung gồm cơ sở sinh học, cơ học, động học và cơ chế các loại phục hình cố định đơn lẻ dùng chốt gắn trong ống tủy chân răng và các loại phục hình từng phần trên răng; kỹ thuật thực hiện các loại răng chốt, cùi, inlay-onlay.

36. Kỹ thuật phục hình cố định 2: Mão, cầu kim loại: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và kỹ thuật phục hình cố định 1

Nội dung gồm cơ sở sinh học, cơ học, động học và cơ chế các loại phục hình cố định đơn lẻ và nhiều đơn vị (cầu) và các loại phục hình cố định từng phần khác; kỹ thuật thực hiện các loại mão, cầu kim loại.

37. Kỹ thuật phục hình khung và khung liên kết: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kỹ thuật phục hình tháo lắp 1 và 2.

Nội dung gồm cơ sở sinh học, cơ học, động học và cơ chế các loại phục hình hàm khung kim loại và khung kim loại liên kết; kỹ thuật thực hiện các loại phục hình hàm khung kim loại và khung kim loại liên kết.

38. Kỹ thuật phục hình mão sứ kim loại: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kỹ thuật phục hình tháo lắp 1 và 2, kỹ thuật phục hình cố định 1 và 2.

Nội dung gồm cơ sở sinh học, cơ học, động học, khoa học vật liệu và cơ chế các loại phục hình sứ kim loại đơn lẻ (mão, răng chốt, inlay-onlay); kỹ thuật thực hiện các loại phục hình sứ kim loại đơn lẻ (mão, răng chốt, inlay-onlay).

39. Kỹ thuật phục hình cầu sứ kim loại: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, kỹ thuật phục hình tháo lắp 1 và 2, kỹ thuật phục hình cố định 1 và 2, kỹ thuật phục hình mão sứ.

Nội dung gồm cơ sở sinh học, cơ học, động học, khoa học vật liệu và cơ chế các loại phục hình sứ kim loại nhiều đơn vị (Cầu răng); kỹ thuật thực hiện các loại cầu răng sứ kim loại.

40. Kỹ thuật phục hình toàn sứ: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, KT PH tháo lắp 1 và 2, KT PH cố định 1 và 2, KT PH mão sứ và KT PH cầu sứ.

Nội dung bao gồm cơ sở sinh học, cơ học, động học, khoa học vật liệu và cơ chế các loại phục hình toàn sứ; các vật liệu và phương pháp chế tác các phục hình toàn sứ.

41. Kỹ thuật chỉnh hình răng mặt: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, KT PH tháo lắp 1 và 2, KT PH cố định 1 và 2.

Nội dung gồm cơ sở sinh học và sinh học phát triển của di chuyển răng trong chỉnh hình; các khí cụ chỉnh hình ngoài miệng, khí cụ chỉnh hình trong miệng tháo lắp và cố định; khí cụ phòng ngừa và duy trì.

42. Công nghệ CAD/CAM nha khoa: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, KT PH tháo lắp 1 và 2, KT PH cố định 1 và 2, KT PH mão sứ và KT PH cầu sứ.

Nội dung gồm cơ sở điều khiển học, tự động hóa của công nghệ CAD/CAM nha khoa; các phương tiện CAD/CAM nha khoa và các công nghệ lân cận; ứng dụng của CAD/CAM trong nha khoa và phẫu thuật.

43. Phối hợp lâm sàng 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, KT PH tháo lắp 1 và 2, KT PH cố định 1 và 2.

Nội dung gồm các trường hợp lâm sàng cần quan sát về các loại phục hình đó học, vận dụng trong thực tế giải quyết các vấn đề về mất răng của người bệnh.

44. Thực tập thực địa 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành, KT PH tháo lắp 1 và 2, KT PH cố định 1 và 2, KT PH mão sứ và cầu sứ.

Nội dung thực tập tại các cơ sở labo phục hình răng hiện đại đang hoạt động, nhằm thu thập kinh nghiệm thực tế về trang thiết bị, tổ chức, quản lý và hoạt động của labo phục hình răng.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung đào tạo ngành kỹ thuật phục hình răng để thiết kế các chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1 Chương trình khung đào tạo Kỹ thuật Phục hình răng

Chương trình khung đào tạo Kỹ thuật Phục hình răng được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa của các đại học tham gia đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hình răng.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đó được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đó quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trường trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đó quy định trong chương trình khung và đáp ứng đóng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính logic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn và áp dụng phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng sau:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật Phục hình răng theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Kỹ thuật Phục hình răng hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Kỹ thuật Phục hình răng đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Kỹ thuật Phục hình răng đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

4.3.1. Thực tập tại phòng thí nghiệm

Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và tiền lâm sàng phải theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp và trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, trường có thể quy định điểm kết thúc mỗi môn học/học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

4.3.2. Thực hành lâm sàng

Tổ chức cho sinh viên đi thực hành bệnh viện khi đã làm được một số kỹ thuật cơ bản. Sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện càng sớm càng tốt, thường bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V và bố trí 5 buổi/tuần.

Thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế được Bộ Y Tế công nhận, gồm bệnh viện Đa khoa, bệnh viện Chuyên khoa tuyến Trung ương, Thành phố, Tỉnh, Quận, Huyện.

4.3.3. Thực tế tại cộng đồng

Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

Để tăng cường hiệu quả các buổi thực hành, thực tập trường phân công giảng viên theo dõi, giám sát các hoạt động của sinh viên, kết hợp với các giảng viên kiêm nhiệm tại cơ sở để giảng dạy và tổ chức thi kiểm tra sau khi kết thúc mỗi đơn vị học trình.

4.4. Thực tế tốt nghiệp và thi tốt nghiệp

4.4.1. ***Thực tế tốt nghiệp***

Thực tế tốt nghiệp tại các cơ sở thực hành cộng đồng của trường và tại các cơ sở y tế địa phương.

4.4.2. ***Thi tốt nghiệp***

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Thời gian ôn thi và làm khóa luận tốt nghiệp theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Thời gian thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức thi: có hai hình thức

+ Khóa luận tốt nghiệp

+ Thi lý thuyết, thực hành

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hình răng

Ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các trường phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.5.1. Tổ chức

Tối thiểu phải có các khoa/bộ môn cơ sở và chuyên ngành Kỹ thuật Phục hình răng:

1. Cơ sở kỹ thuật, công nghệ và mỹ thuật: (Công nghệ vật liệu, cơ khí ứng dụng, mỹ thuật ứng dụng...), cần phối hợp với các trường/khoa về công nghệ và mỹ thuật.

2. Cơ sở kỹ thuật phục hình răng (giải phẫu răng, mô phôi răng miệng, vật liệu và thiết bị nha khoa, cắn khíp, sinh học miệng, chẩn đoán hình ảnh...)

3. Các môn kỹ thuật phục hình răng (tạo mẫu và gia công nhựa, gia công kim loại, KT phục hình tháo lắp, KT phục hình cố định...)

4.5.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cần có tối thiểu các cơ sở thực hành sau:

1. Khu thực hành các môn cơ sở KT PHR.

2. Khu thực hành Labo.

3. Bệnh viện thực hành có khoa phục hình

4. Mỗi khu thực hành nêu trên cần đảm bảo có số đơn vị thực hành (ghế máy, đơn vị làm việc) tối thiểu xấp xỉ 1/2 số tuyển sinh hàng năm (thí dụ: tuyển 30 sinh viên, cần có 15 đơn vị thực hành cơ sở KT PHR, 15 đơn vị thực hành labô).

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

Đủ số lượng giảng viên cơ hữu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.5.4. Các điều kiện đảm bảo khác

Mô hình phổ biến trên thế giới hiện nay là CN KT PHR cần được đào tạo theo hướng kết hợp, chú trọng các khoa học mũi nhọn về vật liệu, cơ khí tự động hóa, vì vậy, cần liên kết chặt chẽ với các trường, khoa thuộc các ngành khoa học công nghệ và mỹ thuật (thí dụ đại học bách khoa, đại học mỹ thuật).

Các điều kiện đảm bảo khác (giảng dạy các môn giáo dục đại cương, các môn cơ sở, hệ thống thư viện, ký túc xá...) được Đại học điều phối và thực hiện chung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục I

ĐỀ XUẤT DANH MỤC HỌC PHẦN BỔ TRỢ

TT	Tên môn học/học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bổ ĐVHT	
			LT	TH
1	Công nghệ sứ nha khoa hiện đại	4	2	2
2	Kỹ thuật chỉnh hình răng mặt nâng cao	3	1	2
3	Kỹ thuật phục hình hàm mặt	5	2	3
4	Kỹ thuật phục hình cố định phức hợp và phục hình trên implant	5	2	3
5	Kỹ thuật phục hình nâng cao: tái tạo và tạo hình	5	2	3
6	Phối hợp lâm sàng 2: phục hình khó	4		4
7	Thực địa 2: labo hiện đại	4	1	3
	Tổng cộng	**30**	**10**	**20**

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE
NGÀNH ĐÀO TẠO: KỸ THUẬT Y HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kỹ thuật y học
(Medical technology)

Mã ngành đào tạo: 52720330

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật y học có y đức; có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành Kỹ thuật y học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức

- Có đủ kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật - công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành Kỹ thuật y học;

- Hiểu biết các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật y học;

- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học;

- Hiểu biết về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật thông thường và các kỹ thuật X-Quang có dùng thuốc cản quang.

- Phân tích được chất lượng kỹ thuật phim chụp và các biểu hiện bất thường trên phim.

- Thực hiện được các kỹ thuật chụp cắt lớp trên máy chụp cắt lớp điện toán và cộng hưởng từ.

- Phối hợp cùng bác sĩ thực hiện các kỹ thuật X-quang mạch máu và các kỹ thuật hình ảnh can thiệp.

- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong y học hạt nhân.

- Tham gia tổ chức và quản lý được một khoa chuẩn đoán hình ảnh theo quy định.

- Tham gia truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng.

- Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.

- Tham gia đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo.

- ***Khối lượng kiến thức tối thiểu***: 202 đơn vị học trình (đvht) chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (5đvht) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (11 đvht)

- ***Thời gian đào tạo:*** 4 năm.

2.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo.

TT	Khối lượng học tập	ĐVHT
1	**Kiến thức Giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	45
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu,** trong đó:	
	Kiến thức cơ sở ngành	25
	Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành)	76
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	40
	Thực tế nghề nghiệp	06
	Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận	10
Tổng cộng		**202**

3. Khối kiến thức bắt buộc

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 đvht (39 LT + 2 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	8	8	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	0
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	4	4	0
4	Ngoại ngữ (Có NN chuyên ngành)	10	10	0
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	5*		
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	11*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0
9	Hóa học	2	2	0
10	Sinh học và Di truyền	3	2	1
11	Vật lý và Lý sinh	2	2	0
12	Nghiên cứu khoa học	2	2	0
13	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	3	3	0
Tổng cộng		**41***	**39***	**2***

** Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

3.1.1.1. Kiến thức cơ sở ngành ***25 đvht (19 LT + 06 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
1	Giải phẫu	3	2	1
2	Sinh lý	2	1	1
3	Giải phẫu bệnh	2	1	1
4	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	1	1
5	Hóa sinh	2	1	1

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
6	Dược lý	2	2	0
7	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	2	1	1
8	Bệnh học Nội khoa	2	2	0
9	Bệnh học Ngoại khoa	2	2	0
10	Sức khỏe môi trường	2	2	0
11	Dịch tễ học và Các bệnh truyền nhiễm	2	2	0
12	Tổ chức y tế - Chương trình y tế - Giáo dục sức khỏe	3	3	0
Tổng cộng		**26**	**20**	**6**

3.1.1.2. Kiến thức ngành (kể cả chuyên ngành): 76 đvht (34 LT + 42 TH)

TT	Tên môn học/học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
1	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	5	3	2
2	Giải phẫu X-quang thường quy	4	3	1
3	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường	4	2	2
4	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 1	4	2	2
5	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 2	2	1	1
6	Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	3	2	1
7	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp	5	3	2
8	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	4	2	2
9	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	4	2	2
10	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1	4	2	2
11	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2	4	2	2
12	Y học hạt nhân và xạ trị	4	2	2
13	An toàn bức xạ	2	1	1
14	Kỹ thuật siêu âm	2	1	1
15	Bảo quản máy	2	1	1
16	Triệu chứng học hình ảnh	4	3	1
17	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	2	2	0
18	Can thiệp mạch máu	2	1	1
19	Thực hành bệnh viện 1	4	0	4
20	Thực hành bệnh viện 2	4	0	4
21	Thực hành bệnh viện 3	4	0	4
22	Thực hành bệnh viện 4	4	0	4
Cộng		**77**	**35**	**42**

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: 8 đvht

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 đvht

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 4 đvht

Nội dung theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Ngoại ngữ: 10 đvht

Gồm 3 học phần 1, 2 và 3.

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành Kỹ thuật y học. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đó hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 đvht

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; sử dụng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 5 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ chương trình Giáo dục Đại học đại cương (giai đoạn 1) dùng cho các trường Đại học và các trường Cao đẳng và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học, cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao)

7. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 11 đvht

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác suất - thống kê y học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học phục vụ công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học: 2 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hóa học, hóa hữu cơ, hóa phân tích và các ứng dụng cũng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và di truyền: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý và lý sinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

12. Nghiên cứu khoa học: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học.

Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tương nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và sử lý số liệu.

13. Tâm lý y học và đạo đức Y học: 3 đvht

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Giải phẫu: 3 đvht

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng.

15. Sinh lý: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, lý sinh, hóa học

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của cơ quan, hệ thống cơ quan và chức năng điều hòa trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan trong cơ thể, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

16. Giải phẫu bệnh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về những biến đổi hình thái học của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý, mối quan hệ giữa hình thái và chức năng, giữa con người và môi trường sống.

17. Sinh lý bệnh - Miễn dịch: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, những rối loạn chức năng của các cơ quan trong quá trình bệnh lý phổ biến; vai trò của hệ thống miễn dịch và những cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch

18. Hóa sinh: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Hóa học.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh, bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào sống của cơ thể, các nguyên tắc và ý nghĩa của một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường.

19. Dược lý: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, Hóa sinh.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về dược lý học tác dụng và cách sử dụng một số thuốc thông thường, tác dụng không mong muốn của thuốc và cách phòng ngừa để sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.

20. Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, Tâm lý học và Đạo đức y học.

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc người bệnh, sơ - cấp cứu ban đầu người bị nạn và các kỹ thuật tiêm, truyền.

21. Bệnh học Nội khoa: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, Dược lý, Tâm lý học và Đạo đức y học.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng và phương pháp phòng và xử trí một số bệnh nội khoa thường gặp.

22. Bệnh học Ngoại khoa: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh - miễn dịch, Dược lý, Tâm lý học và Đạo đức y học.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng, phương pháp phòng và xử trí một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

23. Sức khỏe môi trường: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng chống.

24. Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy cơ, diễn biến, các biện pháp phòng chống dịch và đặc điểm dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.

25. Tổ chức y tế - chương trình y tế quốc gia - giáo dục sức khỏe: 3 đvht

Nội dung gồm hệ thống tổ chức mạng lưới y tế, các chương trình y tế quốc gia đang triển khai thực hiện, các kiến thức về truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, các phương pháp, phương tiện truyền thông trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

26. Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở khối ngành và các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm các nguyên lý vật lý, nguyên lý tạo ảnh của các kỹ thuật X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ và Xạ hình và các nguyên lý tạo ảnh X quang kỹ thuật số (CR - Computed Radiography), X quang số hóa trực tiếp (DR - Direct Radiography).

27. Giải phẫu X-quang thường quy: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm hình ảnh giải phẫu trên phim X-quang thường quy của các bộ máy vận động cơ xương khớp, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, tim mạch, thần kinh và xác định các mốc, vị trí giải phẫu trên phim hoặc trên sơ đồ.

28. Kỹ thuật chụp X-quang thông thường: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu X-quang thường quy.

Sử dụng tốt các máy X-quang, máy tính và Phụ kiện tạo ảnh và thực hiện thành thạo các kỹ thuật chụp X-quang thông thường.

29. Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật chụp X-quang thông thường.

Sử dụng thành thạo các máy X-quang chụp tiêu hóa, tiết niệu, cơ xương khớp tăng sáng truyền hình, máy tính và phụ kiện tạo ảnh chuyên khoa; thực hiện thành thạo các kỹ thuật chụp X-quang có chuẩn bị, X-quang chuyên khoa dưới sự chỉ đạo của bác sĩ.

30. Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt 2: 2 đvh

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật chụp X-quang thông thường.

Sử dụng thành thạo các máy X-quang chụp răng, vú, nhi khoa, tăng sáng truyền hình, máy tính và phụ kiện tạo ảnh chuyên khoa; thực hiện thành thạo các

kỹ thuật chụp X-quang có chuẩn bị, X-quang chuyên khoa dưới sự chỉ đạo của bác sỹ.

31. Các kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh: 3 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm các nguyên lý hoạt động của các loại máy in phim nhiệt, laser và sử dụng thành thạo các loại máy in ảnh y học (Medical Imaging - Printer).

32. Giải phẫu hình ảnh cắt lớp: 5 đvht

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Vật lý và lý sinh.

Nội dung gồm hình ảnh giải phẫu trên các lớp cắt qua các bộ máy vận động cơ xương khớp, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, tim mạch, thần kinh và xác định các mốc, vị trí giải phẫu trên phim hoặc trên sơ đồ.

33. Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm các kỹ năng vận hành các máy chụp cắt lớp vi tính và thực hiện thành thạo các kỹ thuật cắt lớp vi tính sọ não, ngực dưới sự chỉ đạo của bác sĩ.

34. Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm các kỹ năng vận hành các máy chụp cắt lớp vi tính và thực hiện thành thạo các kỹ thuật cắt lớp vi tính bụng và chi dưới sự chỉ đạo của bác sĩ.

35. Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm các kỹ năng vận hành các máy chụp cộng hưởng từ và thực hiện thành thạo các kỹ thuật cộng hưởng từ sọ não - cột sống, cơ xương khớp dưới sự chỉ đạo của bác sĩ.

36. Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm các kỹ năng vận hành các máy chụp cộng hưởng từ và thực hiện thành thạo các kỹ thuật cộng hưởng từ tim - mạch; gan - mật; tụy, lách, thận - tiết niệu, sinh dục; sản phụ khoa; đại - trực tràng dưới sự chỉ đạo của bác sĩ.

37. Y học hạt nhân và xạ trị: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm các nguyên lý hoạt động của các chất đồng vị phòng xạ dùng trong y học và nguyên lý tạo ảnh Y học hạt nhân, kiến thức và kỹ năng vận hành máy.

38. An toàn bức xạ: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Y học hạt nhân và xạ trị, Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm các kiến thức về nguyên lý tác hại của các bức xạ ion hóa, các nguyên lý bảo vệ an toàn bức xạ và hiểu được tầm quan trọng của bảo vệ an toàn bức xạ, an ninh phòng xạ.

39. Kỹ thuật siêu âm: 2 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học.

Nội dung gồm các kỹ năng vận hành các máy siêu âm và thực hiện được các kỹ thuật siêu âm gan - mật; tụy, lách, thận - tiết niệu, sinh dục; sản phụ khoa, vú, giáp, mô mềm dưới sự chỉ đạo của bác sỹ.

40. Bảo quản máy: 2 đvht

Nội dung gồm các kiến thức về cấu tạo thiết bị và các quy tắc bảo quản máy. Vận dụng được lý thuyết cơ bản vào những tình huống thực tế khi máy móc bị hỏng hóc thông thường để sửa chữa như đứt cầu chì, thay bóng đèn...

41. Triệu chứng học hình ảnh: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học, Giải phẫu X-Quang thường quy, Kỹ thuật chụp X-Quang thông thường và đặc biệt.

Nội dung gồm vai trò của các máy chẩn đoán hình ảnh đối với các tạng trong cơ thể và mô tả được các dấu hiệu bất thường trên phim X-quang: hình ảnh X-quang, cắt lớp vi tính và công hưởng từ bình thường.

42. Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh: 2 đvht

Nội dung gồm các nguyên tắc quản lý chung trong bệnh viện, vai trò chức năng của các đối tượng làm việc trong khoa chẩn đoán hình ảnh (CĐHA) và tổ chức quản lý phân công nhiệm vụ từng đối tượng, quản lý cơ sở vật chất, xu thế phát triển khoa CĐHA và vai trò, chức năng của các phòng tham mưu trong bệnh viện.

43. Can thiệp mạch máu: 2 đvht

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về máy móc trang bị, hóa chất, dụng cụ trong phòng chụp mạch và biết chuẩn bị dụng cụ hóa chất, thực hiện các kỹ thuật chụp mạch dưới sự chỉ đạo của bác sĩ.

44. Thực hành bệnh viện 1: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các kỹ thuật hình ảnh cơ bản.

Nội dung gồm thực tập sử dụng các trang thiết bị, thực hiện các kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán hình ảnh, thực hiện các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, với người bệnh. Rèn luyện đạo đức của người cán bộ y tế và tính cẩn trọng, chính xác, trung thực.

45. Thực hành bệnh viện 2: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Các kỹ thuật hình ảnh cơ bản, thực hành bệnh viện 1.

Nội dung gồm thực tập sử dụng các trang thiết bị, thực hiện các kỹ thuật cơ bản nâng cao trong chẩn đoán hình ảnh, thực hiện các kỹ năng giao tiếp với đồng

nghiệp, với người bệnh. Rèn luyện đạo đức của người cán bộ y tế và tính cẩn trọng, chính xác, trung thực.

46. Thực hành bệnh viện 3: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực hành bệnh viện 1, 2.

Nội dung gồm thực tập sử dụng các trang thiết bị, thực hiện các kỹ thuật đặc biệt trong chẩn đoán hình ảnh, thực hiện các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, với người bệnh, với cộng đồng. Tiếp tục rèn luyện đạo đức của người cán bộ y tế và tính cẩn trọng, chính xác, trung thực.

47. Thực hành bệnh viện 4: 4 đvht

Điều kiện tiên quyết: Thực hành bệnh viện 1, 2, 3.

Nội dung gồm thực tập sử dụng các trang thiết bị, thực hiện các kỹ thuật đặc biệt chuyên sâu trong chẩn đoán hình ảnh, thực hiện các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, với người bệnh, với cộng đồng. Tiếp tục rèn luyện đạo đức của người cán bộ y tế và tính cẩn trọng, chính xác, trung thực.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung đào tạo ngành kỹ thuật y học để thiết kế chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của Nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo Cử nhân Kỹ thuật y học

Chương trình khung đào tạo Kỹ thuật y học được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa của các đại học tham gia đào tạo ngành Kỹ thuật y học.

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đó được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao. Học phần kiến thức bắt buộc nào mà các trường cần tăng thêm thời lượng hoặc bổ sung nội dung thì đưa ngay vào nội dung chi tiết của học phần đó mà không cần tách riêng phần bắt buộc và phần bổ trợ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính logic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường lựa chọn và áp dụng phương pháp tổ chức giảng dạy phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu chuẩn bị kỹ trước khi tổ chức thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Các trường có thể thiết kế phần kiến thức bổ trợ theo hướng:

- Bố trí các học phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật y học theo từng lĩnh vực hẹp của ngành Kỹ thuật y học hoặc theo hướng phát triển qua một ngành thứ 2 khác. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn tỷ lệ % kiến thức chung của ngành theo các quy định hiện hành và chương trình hội nhập về phân định kiến thức giữa ngành và chuyên ngành.

- Bổ sung thêm một số học phần thuộc ngành Kỹ thuật y học đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Kỹ thuật y học đã có. Và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

Phần nội dung chương trình bổ trợ, tùy theo đặc điểm riêng của mỗi trường mà xây dựng phần đặc thù của trường mình. Danh sách các học phần bổ trợ do từng cơ sở đào tạo quyết định và có thể được bổ sung, thay đổi theo từng khóa học. (Tham khảo phụ lục).

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

4.3.1. Thực tập tại phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng:

Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và tiền lâm sàng phải theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp và trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, trường có thể quy định điểm kết thúc mỗi môn học/học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

4.3.2. Thực hành lâm sàng

Tổ chức cho sinh viên đi thực hành bệnh viện khi đã làm được một số kỹ thuật cơ bản. Nên sắp xếp đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện càng sớm càng tốt, thường bắt đầu vào học kỳ IV hoặc V và bố trí 5 buổi/tuần.

Thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế được Bộ Y Tế công nhận, gồm bệnh viện tuyến Trung ương, Thành phố, Tỉnh, Quận, Huyện.

4.3.3. Thực tế tại cộng đồng

Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

Để tăng cường hiệu quả các buổi thực hành, thực tập trường phân công giảng viên theo dõi, giám sát các hoạt động của sinh viên, kết hợp với các giảng viên kiêm nhiệm tại cơ sở để giảng dạy và tổ chức thi kiểm tra sau khi kết thúc mỗi đơn vị học trình.

4.4. Thực tế tốt nghiệp và thi tốt nghiệp.

4.4.1. Thực tế tốt nghiệp

Thực tế tốt nghiệp tại các cơ sở thực hành cộng đồng của trường và tại các cơ sở y tế địa phương.

4.4.2. Thi tốt nghiệp

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Thời gian ôn thi, thi và làm khóa luận tốt nghiệp theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức thi: có hai hình thức

+ Khóa luận tốt nghiệp

+ Thi lý thuyết, thi thực hành

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành Kỹ thuật y học

Ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các trường phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

***4.4.3.* Tổ chức:**

Các Khoa/bộ môn của ngành tối thiểu phải có: Khoa/Bộ môn Kỹ thuật y học/Chẩn đoán hình ảnh y học.

***4.4.4.* Cơ sở vật chất, trang thiết bị**

Cơ sở đào tạo phải có đủ máy X-quang, siêu âm, CLVT, cộng hưởng từ, máy chụp mạch can thiệp DSA hoặc phải có hợp đồng cụ thể với các bệnh viện trên địa bàn về việc cho phép nhà trường sử dụng các trang thiết bị này trong giảng dạy và thực hành cho sinh viên.

***4.4.5.* Đội ngũ giảng viên cơ hữu**

Đủ số lượng giảng viên cơ hữu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục I
ĐỀ XUẤT MỘT SỐ DANH MỤC HỌC PHẦN BỔ TRỢ

TT	Tên học phần	Đơn vị học trình		
		TC	LT	TH
1	Giải phẫu X-quang thường quy (HP2)	2	1	1
2	Kỹ thuật chụp X-quang thông thường (HP2)	5	3	2
3	Kỹ thuật chụp X-quang đặc biệt (HP3)	4	2	2
4	Kỹ thuật hình ảnh cập nhật (PET-CT, M.SPECT-CT, MRI-VS)	5	3	2
5	Kỹ thuật siêu âm (HP2)	2	1	1
6	Y học hạt nhân và xạ trị (HP2)	4	2	2
7	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học (HP2)	3	2	1
8	Can thiệp mạch máu (HP2)	2	1	1
9	Giải phẫu 2	2	1	1
10	Nội cơ sở	2	1	1
11	Ngoại cơ sở	2	1	1
12	Điều dưỡng cơ bản (HP2)	2	1	1
13	Vệ sinh - An toàn thực phẩm	2	2	0
14	Thực tế tốt nghiệp	4	0	4
15	Nhà nước và pháp luật	2	2	0
		43	**23**	**20**

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHỎE

NGÀNH ĐÀO TẠO: XÉT NGHIỆM Y HỌC DỰ PHÒNG TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Xét nghiệm Y học Dự phòng

Laboratory Science for Preventive Medicine

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Xét nghiệm Y học dự phòng có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân nhân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về thái độ:

- Tuân thủ các quy tắc ứng xử được chính thức thừa nhận và những mong đợi từ đồng nghiệp, khách hàng và xã hội.

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Khiêm tốn học hỏi, sẵn sàng hợp tác tốt với đồng nghiệp.

- Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong công việc chuyên môn, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập vươn lên.

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở làm nền tảng cho công tác xét nghiệm y học dự phòng

- Có kiến thức cơ bản về các vấn đề sức khỏe và các yếu tố quyết định sức khỏe quan trọng

- Có kiến thức về các trang thiết bị, quy trình lấy mẫu và thực hiện các xét nghiệm về y học dự phòng

- Có kiến thức về nguyên lý và cơ chế các xét nghiệm thông thường

- Có kiến thức về kiểm chuẩn và đảm bảo chất lượng trong xét nghiệm y học dự phòng.

- Có kiến thức về tư vấn, giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong bảo về, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về kỹ năng:

- Tiến hành các xét nghiệm huyết thanh, miễn dịch để phát hiện sự hiện diện của các kháng thể, kháng nguyên là các tác nhân gây bệnh khác nhau.

- Tiến hành các phân tích hóa học, miễn dịch, virus học, vi khuẩn học của các mẫu bệnh phẩm hay mẫu môi trường theo các quy trình chuẩn.

- Tiến hành các xét nghiệm vi khuẩn học để tìm sự hiện diện của tác nhân gây bệnh hay độc tố, hóa chất độc hại trong các bệnh phẩm lâm sàng như phân, nước tiểu, đàm, dịch não tủy, máu, nước, sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thực phẩm.

- Tư vấn hay thực hiện việc lấy mẫu bệnh phẩm, mẫu môi trường...; pha chế được các dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm và thuốc thử môi trường trong lĩnh vực y học dự phòng; sử dụng và bảo quản các trang thiết bị phòng xét nghiệm, các hóa chất và sinh phẩm chuyên dụng, ghi nhận và báo cáo kết quả.

- Thực hiện được những biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng các kỹ thuật, xét nghiệm trong y học dự phòng.

- Tư vấn, truyền thông cho các cán bộ y tế công cộng, bác sĩ, những nhân viên phòng xét nghiệm, các cán bộ y tế về việc lý giải kết quả, thu thập mẫu bệnh phẩm và ứng dụng xét nghiệm trong các trường hợp đặc biệt.

2. Khung chương trình đào tạo tổng quát

2.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 132 tín chỉ, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (165 tiết)

- Thời gian đào tạo: 4 năm

2.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

TT	Khối lượng học tập	Số Tín chỉ
1	**Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu** (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)	35
2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu**, trong đó:	
	Kiến thức cơ sở ngành	20
	Kiến thức ngành	53
	Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	18
	Thực tập nghề nghiệp	6
Cộng		**132**

3. Khối kiến thức bắt buộc:

3.1. Danh mục các học phần bắt buộc:

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương ***32 TC(22 LT-10 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Phân bố Tín chỉ		
		TS	LT	TH
Các môn chung				
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3	0
4	Ngoại ngữ (có NN chuyên ngành)	8	3	5
5	Tin học đại cương	2	1	1
6	Giáo dục thể chất*	3*		
7	Giáo dục quốc phòng - An ninh*	165 tiết*		
Các môn cơ sở khối ngành				
8	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0
9	Sinh học và di truyền	2	1	1
10	Hóa học	2	1	1
11	Vật lý - Lý sinh	2	1	1
12	Nghiên cứu khoa học	2	1	1
13	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	0
Tổng cộng		**32***	**22***	**10***

** Chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh*

3.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu

3.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành ***20 TC (19 LT + 1 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Phân bố tín chỉ		
		TS	LT	TH
1	Giải phẫu cơ bản	2	2	0
2	Sinh lý cơ bản	2	2	0
3	Hóa sinh cơ bản	2	2	0
4	Vi sinh - Ký sinh học cơ bản	2	2	0
5	Giải phẫu bệnh - miễn dịch cơ bản	2	2	0

TT	Tên môn học/học phần	Phân bố tín chỉ		
		TS	LT	TH
6	Lấy bệnh phẩm, lấy mẫu và an toàn sinh học	2	1	1
7	Triệu chứng - Điều trị học cơ bản nội khoa, nhi khoa	2	2	0
8	Triệu chứng - Điều trị học cơ bản sản khoa ngoại khoa	2	2	0
9	Dịch tễ học	2	2	0
10	Tổ chức Y tế	2	2	0
Tổng cộng		**20**	**19**	**1**

3.1.2.2. Kiến thức ngành ***53 TC (19 LT - 34 TH)***

TT	Tên môn học/học phần	Phân bố TC		
		TS	LT	TH
1	Các bệnh truyền nhiễm quan trọng (I)	2	1	1
2	Các bệnh truyền nhiễm quan trọng (II)	2	1	1
3	Các bệnh không truyền nhiễm	2	1	1
4	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	2	1	1
5	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1
6	Xét nghiệm Huyết học	2	1	1
7	Xét nghiệm Hóa sinh (I)	2	1	1
8	Xét nghiệm Vi sinh (I)	2	1	1
9	Xét nghiệm Vi sinh (II)	2	1	1
10	Xét nghiệm Miễn dịch học (I)	2	1	1
11	Xét nghiệm Miễn dịch học (II)	2	1	1
12	Xét nghiệm Ký sinh trùng - Côn trùng	2	1	1
13	Xét nghiệm đánh giá chất lượng môi trường	2	1	1
14	Xét nghiệm đánh giá môi trường lao động	2	1	1
15	Sơ cấp cứu thông thường ở CĐ và phòng xét nghiệm	2	1	1
16	Xét nghiệm dinh dưỡng	2	1	1
17	Xét nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm	2	1	1
18	Quản lý các chương trình mục tiêu y tế quốc gia	2	1	1
19	Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm	2	1	1

TT	Tên môn học/học phần	Phân bố TC		
		TS	LT	TH
20	Thực hành xét nghiệm tại bệnh viện (3 tuần) cho sinh hóa và huyết học	3	0	3
21	Thực hành xét nghiệm tại bệnh viện (3 tuần) cho vi sinh và miễn dịch	3	0	3
22	Thực hành xét nghiệm tại TTYHDP (3 tuần) cho vi sinh, ký sinh trùng, miễn dịch	3	0	3
23	Thực hành xét nghiệm tại TTYHDP (3 tuần) cho sức khỏe môi trường; sức khỏe lao động và an toàn thực phẩm	3	0	3
24	Thực hành xét nghiệm tại các Viện Nghiên cứu (3 tuần) cho vi sinh và ký sinh trùng	3	0	3
25	Thực hành xét nghiệm tại TTYHDP (3 tuần) cho sức khỏe môi trường; sức khỏe lao động và an toàn thực phẩm	3	0	3
26	Thực hành xét nghiệm tại các Viện Nghiên cứu (3 tuần) cho vi sinh và ký sinh trùng	3	0	3
Cộng		**53**	**19**	**34**

3.2. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: 5 TC

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 TC

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Ngoại ngữ: 8 TC

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ cần thiết cho giao tiếp thông thường và chuyên ngành Y tế công cộng; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu Y văn. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

5. Tin học đại cương: 2 TC

Nội dung gồm một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng Word; sử dụng Excel hoặc FoxPro để nhập số liệu và làm các bài toán ứng dụng. Sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet.

6. Giáo dục thể chất: 3 TC

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Giáo dục quốc phòng - an ninh: 165 tiết

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

8. Xác suất - thống kê y học - SKTS.4201: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

9. Hóa học - SKTS.4202: 2 TC

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hóa học, hóa hữu cơ, hóa phân tích và các ứng dụng còng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

10. Sinh học và di truyền - SKTS.4203: 3 TC

Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

11. Vật lý - lý sinh - SKTS.4204: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học.

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học;

âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

12. Nghiên cứu khoa học - SKTS.4205: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học.

Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tương nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và sử lý số liệu.

13. Tâm lý y học và Đạo đức Y học - SKTS.4206: 2 TC

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

14. Giải phẫu cơ bản - XDGP.4303: *2 TC*

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của giải phẫu học, những cấu trúc giải phẫu cơ bản của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người.

15. Sinh lý cơ bản - XDSL.4304: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: SKSH.4203; XDGP.4303

Nội dung gồm các khái niệm và nguyên lý cơ bản của sinh lý học cơ bản, kiến thức về chức năng, hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể người, giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

16. Hóa sinh cơ bản - XDHS.4305: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: SKSH.4204; XHHH.4301; XDGP.4303; XDSL.4304

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về thành phần cấu tạo hóa học, vai trò và cơ chế của sự chuyển hóa các chất trong cơ thể sống; các nguyên tắc nhận định kết quả của các xét nghiệm hóa sinh thông thường.

17. Vi sinh và kí sinh học cơ bản - XDVK.4306: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: SKSH.4203

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về vi sinh y học, các vi sinh và ký sinh trùng, mối tương tác giữa ký sinh trùng, vi sinh và vật chủ; hình thái, chu trình sống và bệnh tật gây nên bởi các vi sinh phổ biến như (Staphylococcus aureus, Streptococcus pneumoniae, Enterococcus, Group A, Group B Streptococcus, Neisseria gonorrhoeae, N. meningitidis, Vibrio, Lao, HIV, các loại virus,…)

18. Giải phẫu bệnh - Miễn dịch cơ bản - XDMD.4307: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: SKSH.4203; XDGP.4303; XDSL.4304

Nội dung gồm: các kiến thức cơ bản về giải phẫu bệnh, về những biến đổi hình thái học của tế bào và tổ chức mô trong bệnh lý; các kiến thức cơ bản về hệ miễn dịch (các tế bào tham gia vào quá trình miễn dịch) của người, khái niệm kháng

nguyên, kháng thể, đáp ứng miễn dịch dịch thể và miễn dịch tế bào, quá trình viêm và phản ứng miễn dịch ở người.

19. Lấy bệnh phẩm, lấy mẫu và an toàn sinh học - XDLM.4308: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: SKSH.4203; XDGP.4303.

Nội dung gồm: các kiến thức lấy bệnh phẩm đạt chất lượng, thực hành kỹ năng lấy máu từ tĩnh mạch và những nguyên tắc cơ bản để đảm bảo an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm và phòng tránh các chấn thương nghề nghiệp.

20. Triệu chứng học và điều trị học cơ bản (nội khoa và nhi khoa) XDBH.4301: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDGP.4303; XDSL.4304; XDHS.4305; XDVK.4306.

Nội dung gồm: các khái niệm và thuật ngữ được sử dụng trong y khoa mô tả tiến triển của bệnh, triệu chứng, tiên lượng và phương pháp phòng và điều trị các bệnh lý nội khoa và nhi khoa.

21. Triệu chứng học và điều trị học cơ bản (Sản khoa và ngoại khoa) - XDBH.4302: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDGP.4303; XDSL.4304; XDHS.4305; XDVK.4306

Nội dung gồm: các khái niệm và thuật ngữ được sử dụng trong y khoa mô tả tiến triển, triệu chứng, tiên lượng và phương pháp phòng và điều trị các bệnh lý sản khoa và ngoại khoa.

22. Dịch tễ học - XDDT.4310: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVK.4306.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về dịch tễ học như: các khái niệm và nguyên lý cơ bản của dịch tễ học; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, các thiết kế nghiên cứu cơ bản. Số đo mô tả sự lây truyền của bệnh truyền nhiễm và các yếu tố nguy cơ.

23. Tổ chức y tế - XDTC.4311: 2 TC

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và tuyến cơ sở, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, điều trị và phòng bệnh.

24. Các bệnh truyền nhiễm quan trọng (I) - XDBL.440: 12 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVK.4306; XDBH.4301; XDBH.4302; XDDT.4310.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, nguyên tắc phòng và kiểm soát bệnh, nguyên tắc xét nghiệm chẩn đoán và điều trị của các bệnh truyền nhiễm thường gặp, nguy hiểm, có khả năng gây dịch, các bệnh mới xuất hiện.

25. Các bệnh truyền nhiễm quan trọng (II) - XDBL.4402: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVK.4306; XDBH.4301; XDBH.4302; XDDT.4310.

Học phần tiếp tục học phần XDBL.4401. Nội dung học phần này tập trung giới thiệu về điều tra dịch.

26. Các bệnh không truyền nhiễm - XDKL.4403: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDBH.4301;XDBH.4302; XDDT.4310.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về dịch tễ học, yếu tố nguy cơ, nguyên tắc phòng và kiểm soát bệnh, nguyên tắc xét nghiệm chẩn đoán và điều trị của các bệnh trong truyền nhiễm (kể cả tai nạn và chấn thương) là các vấn đề y tế công cộng như chấn thương, bệnh tim mạch, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn,...

27. Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản - XDXN.4404: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: SKHH.4201; XDHS.4305; XDLM.4308.

Nội dung gồm: cách trình bày kết quả xét nghiệm theo hệ thống đơn vị quốc tế, chuyển đổi từ đơn vị thường sang đơn vị quốc tế và ngược lại. Mô tả cấu tạo, tính năng, cách sử dụng và bảo trì các phương tiện máy móc, dụng cụ ở phòng xét nghiệm; thực hiện đúng một số quy trình kỹ thuật cơ bản của xét nghiệm hóa học và hóa sinh.

28. Kiểm tra chất lượng xét nghiệm - XDKC.4405: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: SKTK.4202; XDXN.4404.

Nội dung gồm: cách thức tổ chức và quản lý một phòng xét nghiệm ở mức tuyến huyện trở lên; các nguyên nhân cơ bản làm sai lệch kết quả xét nghiệm và cách khắc phục; cách làm giá trị đối chiếu cho một xét nghiệm thông thường; cách làm nội kiểm tra và sử lý được những tình huống kết quả xét nghiệm ra ngoài phạm vi kiểm tra.

29. Xét nghiệm huyết học - XDHH.4406: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDSL.4301; XDXN.4404.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về huyết học như: những đặc điểm tế bào máu bình thường và bệnh lý; các xét nghiệm cơ bản về tế bào máu; cơ chế đông cầm máu; các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về đông cầm máu; những vấn đề cơ bản liên quan đến an toàn truyền máu; các quy trình kỹ thuật phát máu an toàn; kiến thức về nhóm máu nhưng kỹ năng thực hiện định nhóm máu sẽ được học ở môn học "xét nghiệm miễn dịch học".

30. Xét nghiệm Hóa sinh (I) và (II) - XDHS.4407: 6 TC

Điều kiện tiên quyết: XDHS.4305; XDXN.4404.

Nội dung gồm kiến thức về nguyên tắc, cơ chế, cách xác định và ý nghĩa một số kỹ thuật, xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường để đánh giá chức năng gan, thận, chuyển hóa các chất (đường, lipid).

31. Xét nghiệm Vi sinh (I) - XDVS.4408: 6 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVK.4306; XDXN.4404.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về xét nghiệm vi sinh như: cách lấy bệnh phẩm và bảo quản bệnh phẩm cho xét nghiệm vi sinh, sử dụng kính hiển vi, nguyên tắc nhuộm, cách xác định các vi khuẩn gây bệnh dựa trên soi tươi và nhuộm mẫu bệnh phẩm cho các tác nhân gây bệnh thông thường.

32. Xét nghiệm Vi sinh (II) - XDVS.4409: 6 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVK.4306; XDXN.4404; XDVS.4408.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về vi sinh y học như: Sự tăng trưởng của vi khuẩn, môi trường nuôi cấy và các yếu tố ảnh hưởng lên tốc độ tăng trưởng của vi sinh vật, các kỹ thuật nuôi cấy, phân lập, xác định các vi khuẩn gây bệnh, nguyên tắc thực hiện kháng sinh đồ.

33. Xét nghiệm Miễn dịch học (I) - XDMD.4410: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDMD.4307; XDXN.4404.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về miễn dịch học (kháng thể, kháng nguyên, miễn dịch học - huyết học) và cách thức thực hiện một số kỹ thuật miễn dịch cơ bản thường sử dụng trong phòng xét nghiệm bao gồm: nguyên lý, cách tiến hành các phản ứng ngưng tụ; xác định nhóm máu; thực hiện test tương hợp, cách đánh giá kết quả.

34. Xét nghiệm Miễn dịch học (II) - XDMD.4411: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDMD.4307; XDXN.4404; XDMD.4410

Nội dung gồm các nguyên lý, cách tiến hành, cách đánh giá kết quả một số kỹ thuật miễn dịch cơ bản thường sử dụng trong phòng xét nghiệm bao gồm như ELISA, kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang, phản ứng ngưng kết và phản ứng ức chế ngưng kết hồng cầu, phản ứng trung hòa,.. Cách vận dụng và liên hệ vào việc chẩn đoán bệnh. Học phần này cũng giới thiệu về nguyên lý của phản ứng PCR.

35. Xét nghiệm ký sinh trùng - côn trùng - XDKS.4412: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVK.4306; XDXN.4404;

Nội dung kiến thức cơ bản về ký sinh trùng như: các đặc điểm sinh lý, sinh thái, chu kỳ, tác hại, đặc điểm dịch tễ học của các loại ký sinh trùng, nấm gây bệnh và truyền bệnh chủ yếu ở Việt Nam, các kỹ thuật, xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán bệnh ký sinh trùng; cách làm một số loại tiêu bản ký sinh trùng;

36. Xét nghiệm đánh giá chất lượng môi trường - XDMT.4413: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDXN.4404; XDBL.4401; XDBL.4402; XDKL.4403.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về khoa học môi trường và sức khỏe môi trường: các tác động chủ yếu của môi trường lên sức khỏe; nguyên lý, cách thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm để xác định các chỉ số đánh giá chất lượng môi trường cơ bản như độ đục, độ màu, BOD, COD, E.coli, coliform, sắt, độ cứng...

Phân tích được các vấn đề sức khỏe liên quan đến ô nhiễm môi trường. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức đó học vào nghiên cứu trong lĩnh vực y học dự phòng.

37. Xét nghiệm đánh giá chất lượng môi trường lao động - XDLD.4414: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDXN.4404; XDBL.4401; XDBL.4402; XDKL.4403.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về sức khỏe nghề nghiệp như: các yếu tố tác hại nghề nghiệp chủ yếu trong lao động và ảnh hưởng của chúng đến sức khỏe người lao động; các biện pháp kiểm soát và phòng chống các yếu tố tác hại nghề nghiệp; cách thực hiện một số kỹ thuật đo đạc, các xét nghiệm để đánh giá các yếu tố tác hại nghề nghiệp. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức đó học vào nghiên cứu trong lĩnh vực y học dự phòng.

38. Sơ cấp cứu thông thường ở cộng đồng và phòng xét nghiệm XDSC.4415: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDBH.4301; XDBH.4302; XDXN.4404.

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng sơ cấp cứu trong trường hợp ngưng thở, ngưng tim, chết đuối, điện giật, vết thương phần mềm, gẫy xương, ngộ độc, sốc phản vệ, v.v

39. Xét nghiệm về dinh dưỡng - XDDD.4416: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDXN.4404; XDHS.4407.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng học và các kỹ thuật, xét nghiệm đánh giá tình trạng thiếu hoặc thừa dinh dưỡng, các bệnh mạn tính có liên quan đến dinh dưỡng. Các kỹ thuật xây dựng, đánh giá khẩu phần ăn cho các đối tượng khỏe mạnh. Cách xây dựng một số chế độ ăn cơ bản trong dinh dưỡng điều trị. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức đó học vào nghiên cứu trong lĩnh vực y học dự phòng.

40. Xét nghiệm về an toàn vệ sinh thực phẩm - XDTP.4417: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDXN.4404; XDHS.4407; XDDD.4416.

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về an toàn vệ sinh thực phẩm như: Ngộ độc thức ăn; các yêu cầu về VSATTP đối với thức ăn đường phố, các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm; hệ thống thanh tra, kiểm tra về VSATTP; các chương trình, biện pháp đảm bảo VSATTP. Các kỹ thuật, xét nghiệm cơ bản đánh giá về VSATTP hiện đang sử dụng. Vận dụng và liên hệ được những kiến thức đó học vào nghiên cứu trong lĩnh vực y học dự phòng.

41. Quản lý các chương trình mục tiêu y tế quốc gia - XDCT.4418: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: XDTC.4311.

Nội dung gồm các kiến thức về các chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang được thực hiện.

42. Quản lý đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm - XDKC.4419: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản; Tổ chức y tế

Nội dung gồm các kiến thức về những nguyên tắc về ghi nhận, lưu trữ, báo cáo các kết quả xét nghiệm, cách bảo quản và lưu giữ các bệnh phẩm và mẫu xét nghiệm theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền về mặt y tế và theo quy tắc; giới thiệu các chứng chỉ ISO hiện hành về quản lý đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm như: chứng chỉ ISO 17025, ISO 10189,....

43. Thực hành xét nghiệm tại bệnh viện cho sinh hóa và huyết học - XDTH.4420: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: XDHH.4406; XDHS.4407

Học phần này giúp cho sinh viên làm quen với phòng xét nghiệm của các bệnh viện và thực tập ứng dụng những kỹ thuật xét nghiệm sinh hóa và huyết học trên thực tiễn lâm sàng.

44. Thực hành xét nghiệm tại bệnh viện cho vi sinh và miễn dịch XDTH.4421: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVS.4408; XDVS.4409; XDMD.4410; XDMD.4411

Học phần này giúp cho sinh viên làm quen với phòng xét nghiệm của các bệnh viện và thực tập ứng dụng những kỹ thuật xét nghiệm vi sinh và miễn dịch trên thực tiễn lâm sàng.

45. Thực hành xét nghiệm tại TTYHDP cho vi sinh, ký sinh trùng và miễn dịch - XDTH.4422: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVS.4408; XDVS.4409; XDMD.4410; XDMD.4411; XDTH 4421.

Học phần này giúp cho sinh viên làm quen với phòng xét nghiệm của các trung tâm y học dự phòng và thực tập ứng dụng những kỹ thuật xét nghiệm vi sinh và miễn dịch trên thực tiễn công tác y tế công cộng.

46. Thực hành xét nghiệm tại TTYHDP cho sức khỏe môi trường, sức khỏe lao động và an toàn thực phẩm - XDTH.4422: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: XDMT.4413; XDLD.4414; XDDD.4416; XDTP.4417.

Học phần này giúp cho sinh viên làm quen với phòng xét nghiệm của các trung tâm y học dự phòng và thực tập ứng dụng những kỹ thuật xét nghiệm môi trường chung và môi trường lao động trên thực tiễn công tác y tế công cộng.

47. Thực hành xét nghiệm tại viện Nghiên cứu về vi sinh học, ký sinh trùng học và miễn dịch học - XDTH.4423: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: XDVS.4408; XDVS.4409; XDMD.4410; XDMD.4411; XDTH 4421; XDTH 4422.

Học phần này giúp cho sinh viên làm quen với phòng xét nghiệm của các viện nghiên cứu (Viện Vệ sinh Dịch tễ, Viện Pasteur, Viện Vệ sinh Y tế công cộng) và thực tập ứng dụng những kỹ thuật xét nghiệm vi sinh và miễn dịch trên thực tiễn công tác y tế công cộng.

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình khung đào tạo cử nhân kỹ thuật y học dự phòng để thiết kế các chương trình giáo dục cụ thể

Chương trình khung giáo dục đại học là những quy định của nhà nước về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức cho từng ngành đào tạo.

4.1. Chương trình khung đào tạo Xét nghiệm Y học Dự phòng trình độ đại học

Chương trình khung đào tạo cử nhân Xét nghiệm Y học Dự phòng được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và thực hiện ở tất cả các trường/khoa y của các đại học có tham gia đào tạo ngành xét nghiệm y học dự phòng.

Chương trình được khung xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục đại học, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đó được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đó quy định cho một chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

Trên cơ sở chương trình khung đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các trường tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng trường phê duyệt chương trình đào tạo của trường.

Các trường tổ chức giảng dạy phải đảm bảo đủ khối lượng kiến thức tối thiểu đã quy định trong chương trình khung và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các trường chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khóa học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tùy theo điều kiện của từng trường, các trường có thể ứng dụng phương pháp tổ chức dạy học phù hợp, nhưng cần thận trọng nghiên cứu, chuẩn bị kỹ trước khi triển khai thực hiện.

4.2. Phần kiến thức bổ trợ

Phần kiến thức bổ trợ có thể được trường thiết kế theo một trong hai hướng sau:

+ Bổ sung thêm một số học phần cũng thuộc ngành Xét nghiệm Y học Dự phòng, đồng thời tăng thêm thời lượng cho một số học phần Xét nghiệm Y học Dự phòng đã có và/hoặc bố trí các nội dung lựa chọn khá tự do, liên quan tới nhiều ngành đào tạo nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp ngành Xét nghiệm Y học Dự phòng.

+ Bố trí các học phần có nội dung của một ngành đào tạo thứ hai cùng thuộc lĩnh vực sức khỏe nhưng khác với ngành Xét nghiệm Y học Dự phòng nhằm giúp mở rộng phạm vi hoạt động của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Trong trường hợp khối lượng kiến thức ngành thứ hai bằng hoặc vượt quá 25 tín chỉ, chương trình được tạo ra sẽ có cấu trúc kiểu ngành chính (Major) - ngành phụ (Minor). Nếu khối lượng kiến thức ngành thứ hai vượt quá 45 tín chỉ chương trình được tạo ra sẽ có cấu trúc kiểu song ngành (Double Major).

Trường hợp đặc biệt khi chương trình mới tạo ra thỏa mãn đồng thời những quy định về chương trình khung tương ứng với 2 ngành đào tạo khác nhau thì người tốt nghiệp sẽ nhận hai văn bằng đại học. Đương nhiên trong trường hợp này, khối lượng kiến thức của toàn chương trình và thời gian đào tạo theo thiết kế sẽ lớn hơn nhiều so với ba kiểu cấu trúc trên.

4.3. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế tại cộng đồng

4.3.1. Thực tập:

Nội dung thực hành của các môn học cơ sở của ngành Xét nghiệm Y học Dự phòng được tổ chức tại các phòng xét nghiệm của nhà trường, của bệnh viện, của các trung tâm y học dự phòng và Viện Nghiên cứu thuộc hệ y học dự phòng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, nhà trường quy định cụ thể về nội dung, thời gian thực tập tại các phòng xét nghiệm.

4.3.2. Thực hành tiền lâm sàng

Môn học "Lấy bệnh phẩm, lấy mẫu và an toàn sinh học"; "Sơ cấp cứu thông thường ở cộng đồng và phòng xét nghiệm" có nội dung thực hành tại các đơn vị huấn luyện kỹ năng tiền lâm sàng.

4.3.3. Thực tế tại cộng đồng

Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương.

Để tăng cường hiệu quả các buổi thực hành, thực tập trường phân công giảng viên theo dõi, giám sát các hoạt động của sinh viên, kết hợp với các giảng viên kiêm nhiệm tại cơ sở để giảng dạy và tổ chức thi kiểm tra sau khi kết thúc mỗi học phần.

4.4. Thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp

4.4.1. Thực tập nghề nghiệp:

- Thực hành cận lâm sàng: (Tại các phòng xét nghiệm của trường, bệnh viện...). Nội dung thực hành của môn học ngành Xét nghiệm Y học Dự phòng được tổ chức tại phòng xét nghiệm của nhà trường hay tại Bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng là cơ sở thực tập của nhà trường. Các phòng xét nghiệm phải đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành do nhà nước quy định.

- Thực tế tại cộng đồng: (Cơ sở thực hành của nhà trường tại cộng đồng, cơ sở y tế tại các địa phương...).

4.4.2. Thi tốt nghiệp:

Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Thời gian ôn thi và khóa luận: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian thi: Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức thi: có 2 hình thức

+ Thi Lý luận chính trị và làm khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ tương đương với 270 - 360 giờ thực hiện khóa luận tốt nghiệp)

+ Thi Lý luận chính trị, thi lý thuyết cho học phần kiến thức tổng hợp các môn cơ sở (3 tín chỉ), thi thực hành cho học phần kỹ năng xét nghiệm y học dự phòng tổng quát (3 tín chỉ).

4.5. Điều kiện tối thiểu để đào tạo ngành học cử nhân Xét nghiệm Y học Dự phòng

Để đào tạo ngành học Xét nghiệm Y học dự phòng trình độ đại học, ngoài việc đảm bảo các yêu cầu và điều kiện mà Trường đại học phải đáp ứng để đạt tiêu chuẩn chung về chất lượng giáo dục đại học và tiêu chuẩn đặc thù về chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, các Trường còn phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu sau:

4.5.1. Tổ chức

Các Khoa/Bộ môn của ngành tối thiểu phải có:

- Y học cơ sở (Giải phẫu, Sinh lý học, Hóa sinh, Miễn dịch, Giải phẫu bệnh)

- Xét nghiệm (Huyết học, Miễn dịch, Hóa sinh, Vi sinh - Ký sinh, Môi trường)

- Dịch tễ học, Thống kê y học - Sức khỏe môi trường - Dinh dưỡng, An toàn thực phẩm - Quản lý y tế - Giáo dục và nâng cao sức khỏe - Dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

4.5.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở đào tạo phải đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối Internet. Cần đảm bảo đủ các trang thiết bị tối thiểu của phòng thực hành khoa học cơ bản, y học cơ sở và thực tập xét nghiệm y học dự phòng.

Nhằm tăng cường khả năng làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp, nhà trường cần chuẩn bị cơ sở thực hành thực hành cận lâm sàng (như Phòng xét nghiệm của bệnh viện, trung tâm y học dự phòng, viện nghiên cứu) để sinh viên thực tập. Các cơ sở đào tạo phải xác định rõ tên những cơ sở thực hành được chọn

và tiêu chuẩn chọn lựa. Đối với phòng thí nghiệm, phòng xét nghiệm, ngoài tiêu chuẩn vật chất và trang thiết bị hiện đại phù hợp với chuyên ngành của sinh viên, phòng thí nghiệm, phòng xét nghiệm được chọn phải có đội ngũ cán bộ có đủ năng lực chuyên môn và sư phạm để hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên trong suốt quá trình thực tập tại phòng xét nghiệm.

4.5.3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học

Đủ số giảng viên cơ hữu theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

Phụ lục

Môn học/học phần tự chọn:

Chọn 14 tín chỉ (6 tín chỉ lý thuyết và 6 tín chỉ thực hành) của các môn học dưới đây:

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Xét nghiệm sàng lọc trước sinh	2	1	1
2	Xét nghiệm trong tình huống thảm họa	2	1	1
3	Xét nghiệm tại chỗ (POCT)	2	1	1
4	Xét nghiệm Hóa sinh (II)	2	1	1
5	Độc chất học môi trường	2	1	1
6	Xét nghiệm về sức khỏe sinh sản	2	1	1
7	Hệ thống thanh tra và kiểm tra thực phẩm	2	1	1
8	Thống kê y học nâng cao	2	1	1
9	Kỹ năng giao tiếp	2	1	1
10	Điều tra vụ dịch	2	1	1
	Cộng	**18**	**(8)**	**(8)**

- Hết -

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng